

THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

TẬP HỢP DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN

Publiée par l'Association Vietnam Fraternité - 7 allée Bouleau Carreau - 77600 Bussy Saint Georges - France

Adresse Web : <http://www.ethongluan.org> - Directeur de la publication : Nguyễn Văn Huy

ISSN 11456-9557 - Số 261 - Năm thứ 24 - Tháng 09-2011



Xã luận

Liên lạc : Hộp thư Thông Luận (Internet) : hopthu@thongluan.org

Mua báo : Nghiêm Văn Thạch, 7 Square Philippe Lebon, 77185 Lognes, France

Libya khẳng định làn sóng dân chủ mới

Dù tàn quân Gaddafi vẫn còn chống trả lẻ tẻ, cuộc cách mạng Libya coi như đã toàn thắng, quân nổi dậy đã làm chủ và thiết lập được an ninh trật tự tại thủ đô Tripoli, một lịch trình bầu cử các định chế dân chủ cho nước Libya mới cũng đã được công bố. Biên cố này có tầm quan trọng đặc biệt.

Trước hết là cách ứng xử của Phương Tây. Mặc dù những tội ác ngang ngược khó tưởng tượng trong quá khứ, chế độ Gaddafi từ lâu đã trở thành một đồng minh của Hoa Kỳ và Liên Hiệp Châu Âu cả về kinh tế lẫn trong cuộc chiến tranh chống khủng bố. Sự kiện Hoa Kỳ, Anh và Pháp không những bỏ rơi mà còn tiếp tay đánh đổ Gaddafi, mà cách đây không lâu họ đã từng long trọng trải thảm đỏ tiếp đón, chứng tỏ rằng bối cảnh Trung Đông và Bắc Phi đã chín muồi cho dân chủ đến độ buộc các cường quốc dân chủ phải tham gia một cách quả quyết vào tiến trình dân chủ hóa để làm tác nhân thay vì nạn nhân của một chuyển hoá không thể đảo ngược. Và các cường quốc dân chủ đã lấy quyết định đúng, như họ đã làm tại Tunisia và Ai Cập. Trung Quốc và Nga đã phản ứng một cách vừa vụng về vừa trái đạo đức chính trị nên đã bị dón vào thế bị động bồi rồi. Quyền lợi và ảnh hưởng của hai nước này tại Trung Đông sẽ bị thiệt hại nặng, uy tín của họ trong bang giao quốc tế cũng sẽ yếu đi. Đây là một điều đáng mừng vì Nga và Trung Quốc đang là chỗ dựa cho các chế độ độc tài bạo ngược.

Thắng lợi của quân nổi dậy Libya cũng có một ý nghĩa quan trọng khác, đó là làn sóng dân chủ mới vẫn tiếp tục mạnh mẽ. Đó lại càng là một tin mừng lớn hơn. Lực lượng Gaddafi đã chống trả dai dẳng hơn dự định và nhiều người đã bắt đầu lo ngại khối NATO sẽ bị sa lầy tại Libya trong một cuộc nội chiến dai dẳng. Nếu quả như vậy thì làn sóng dân chủ mới, dù đang nào cũng không thể đảo ngược được, sẽ khựng lại trong một thời gian. Nhưng thực tế



là lực lượng Gaddafi đã bị đánh tan và cũng không có dấu hiệu nào là sẽ có phá hoại và khủng bố như tại Iraq. Dự đoán có xác suất cao nhất trong lúc này cũng là dự đoán lạc quan nhất : Libya sẽ tiến tới dân chủ nhanh chóng và trong hòa bình.

Chúng ta có thể chờ đợi gì trong những ngày sắp tới ?

Sau Gaddafi sẽ đến lượt Al-Assad. Tình hình Syria phức tạp hơn nhiều so với Libya, chế độ khát máu Al-Assad có thể còn kháng cự khá dai dẳng nhưng chắc chắn sẽ phải sụp đổ, và sau đó một tình trạng tương tự như Iraq hoặc Lebanon có thể sẽ diễn ra trong một thời gian. Điều chắc chắn Syria không có chọn lựa nào khác ngoài dân chủ. Các chế độ chưa dân chủ khác từ nay cũng sẽ hiểu là họ phải thích nghi rất nhanh chóng với tình huống mới, nghĩa là dân chủ hoá một cách khẩn cấp. Cả vùng Trung Đông và Bắc Phi sẽ sôi sục xây dựng dân chủ và sẽ làm thay đổi bộ mặt thế giới. Các chế độ độc tài còn lại sẽ không còn được hưởng một sự nể nang nào ; dưới mắt thế giới, chúng sẽ chỉ là những vấn đề phải giải quyết, thậm chí những rác rưởi phải quét đi.

Chúng ta sắp chứng kiến một bối cảnh thế giới đặc biệt thuận lợi. Làn sóng dân chủ mới này cũng dâng lên vào đúng lúc thế giới đang trải qua một cuộc xét lại toàn diện, mà cố gắng cốt lõi là quân bình ngân sách và cân cân thương mại. Giai đoạn của mô hình kinh tế hướng ngoại dựa trên xuất khẩu và đầu tư nước ngoài mà các chế độ độc tài như chế độ cộng sản Việt Nam tận tình áp dụng đã chấm dứt. Chế độ toàn trị càng chao đảo hơn trong cơn bão dân chủ.

Dĩ nhiên, dù bối cảnh quốc gia và thế giới thuận lợi đến đâu, yếu tố quyết định để đất nước có dân chủ vẫn là, và chỉ có thể là, nỗ lực phấn đấu của chính chúng ta. Hy vọng rằng những gì đã, đang và còn sẽ xảy ra tại các nước Ả Rập sẽ đem lại cho chúng ta thêm niềm tin và đồng thời cũng cho chúng ta, nhất là trí thức và thanh niên, nghị lực để có được ít nhất một phần sự dũng cảm phi thường mà chúng ta đang chứng kiến.

Thông Luận



Một trang sử mới đã mở ra

Nguyễn Gia Kiểng

Giai đoạn của mô hình phát triển hướng ngoại dựa trên xuất khẩu và đầu tư nước ngoài đã chấm dứt. Các nước như Trung Quốc và Việt Nam sẽ phải trông cậy trước hết vào thị trường nội địa và phải chấp nhận một khối nhân dân giàu mạnh hơn, tự do hơn, với khả năng đòi dân chủ lớn hơn.

Trong hai tuần lễ cuối tháng 7 và đầu tháng 8, các thị trường chứng khoán chính trên thế giới đã mất khoảng 10.000 tỷ USD, tương đương với những gì mà một tỷ rưỡi người Trung Quốc sản xuất ra trong hai năm. Các thị trường chứng khoán đã tuột dốc một lần nữa sau khi các chính quyền Châu Âu và Mỹ tỏ ra lúng túng trước những khó khăn mới và định chế thẩm định Standard & Poor's hạ thấp mức độ đáng tin về khả năng hoàn trả của Hoa Kỳ, và tiếp tục mất giá sau đó. Kinh tế thế giới vừa đi vào một giai đoạn khủng hoảng mới.



Hai nguyên nhân được mọi người đồng ý là :

1. Từ năm 2008, khi cuộc khủng hoảng bắt đầu, các chính phủ phương Tây đã phải liên tục vay tiền để kích thích hoạt động kinh tế, nhưng tăng trưởng kinh tế đã không đến, tiền thuế thu được không đủ khiến khối nợ của Hoa Kỳ và các nước phát triển tiếp tục gia tăng và đã đạt tới mức báo động

2. Các nước Châu Âu và Mỹ trong nhiều năm đã tiêu sài quá khả năng sản xuất của họ, tình trạng này không thể tiếp tục được nữa.

Tuy vậy, việc Mỹ và Châu Âu mắc nợ nặng là điều đã được biết từ lâu. Các chuyên gia đều đã đồng ý. Sự kiện các nước Châu Âu và Hoa Kỳ tiêu thụ nhiều hơn sản xuất cũng đã được ý thức rõ rệt như là một nguy cơ. Mọi người đều biết là phải giảm chi và tăng thu. Như vậy tình trạng hốt hoảng đột ngột vừa qua phải có nguyên nhân gần khác.

Nguyên nhân gần đó là hình ảnh của một Châu Âu và một nước Mỹ lúng túng nội bộ không thể lấy những quyết định bất buộc để ra khỏi khủng hoảng, giống như một máy bay không còn phi công, tạo cảm tưởng là có thể cuộc khủng hoảng không có lối thoát.

Hai người có trách nhiệm trực tiếp tạo ra tình trạng mới này.

Người thứ nhất là bà Angela Merkel, thủ tướng Đức. Bà này làm như bất chấp tình trạng tài chính nguy ngập của Châu Âu và chống lại mọi giải pháp chung. Thái độ của bà vừa vô trách nhiệm vừa thiếu cặn. Không thể nào bà và các cố vấn của bà lại không thấy rằng một sự sụp đổ của Châu Âu nhất định sẽ kéo theo sự sụp đổ của Đức vì lý do đơn giản là một khi đã thống nhất tiền tệ thì không thể có chuyện đèn nhà ai nấy sáng. Hơn nữa, Đức chính là nước được hưởng lợi nhiều nhất nhờ sự thành lập khu vực Euro. Nhưng bà my dân và muốn tỏ ra bảo vệ tận tình quyền lợi của Đức để lấy lòng cử tri.

Người thứ hai, còn đáng trách hơn, là tổng thống Barack Obama. Đây không phải là lần đầu tiên Mỹ phải nâng cao mức nợ công. Năm nào Mỹ cũng đã phải làm việc này. Trong 30 năm qua quốc hội Mỹ đã phải biểu quyết tăng mức nợ công 39 lần. Lần này chỉ là lần thứ 40. Đây là một điều bất buộc để đương đầu với những chi tiêu cấp bách. Vấn đề là lần biểu quyết này diễn ra trong một bối cảnh rất đặc biệt, mọi người đều hiểu là phải có

ngay những biện pháp cụ thể để giảm nợ, hơn nữa lần này tổng số nợ của chính phủ Mỹ sẽ vượt quá mức tâm lý 100% GDP.

Mâu thuẫn giữa chính phủ Obama và quốc hội Mỹ, trong đó đảng Cộng Hòa chiếm đa số, là để giảm bớt áp lực của nợ công. Obama muốn tăng thuế trong khi đảng Cộng Hòa muốn giảm chi ngân sách. Giải pháp đương nhiên là một thỏa hiệp giữa hai quan điểm trong đó dĩ nhiên quốc hội có thể thượng phong và, trong tình trạng nợ nần chồng chất hiện nay, thể thượng phong đó lại càng áp đảo vì giảm chi đã được coi là bất buộc.

Thay vì thành thực tìm kiếm một thỏa hiệp phù hợp với hiện tình của nước Mỹ, Obama đã lấy thái độ my dân bằng cách tỏ ra chống giảm chi và hăm dọa phủ quyết, gây căng thẳng và tạo điều kiện thuận lợi cho đầu cơ. Obama không những không làm gì để giảm bớt căng thẳng mà, ít nhất trong những ngày đầu, còn muốn gây thêm căng thẳng để tỏ ra bệnh vực dân nghèo. Ông liên tục đưa ra những tối hậu thư cho đảng Cộng Hòa, một tuần, rồi 72 giờ, rồi 48 giờ, rồi 36 giờ, vì ông tin là lập trường bệnh dân nghèo của mình đang dồn đảng Cộng Hòa vào thế bí. Cuối cùng, khi hai bên đạt tới thỏa hiệp, các chuyên gia đều đánh giá là Mỹ đã giảm chi quá ít và quá dưới mức độ cần thiết. Ngay cả Trung Quốc, nước có mọi lý do để mong Mỹ tiếp tục tiêu thụ và nhập cảng thật nhiều, cũng phải lên tiếng cảnh giác là Mỹ và Châu Âu không thể tiếp tục sống trên mức mà khả năng của họ cho phép. Các thị trường chứng khoán, và định chế S&P, đã phản ứng một cách bi quan. Obama đã chơi với dao và làm thế giới đứt tay.

(Ở đây thiết tưởng cũng nên mở một ngoặc đơn về một chi tiết kỹ thuật. Việc nâng cao mức tối đa của nợ công nằm trong khuôn khổ của cuộc thảo luận ngân sách và cuộc thảo luận này gồm hai phần, phần thu ngân sách, nghĩa là thuế, và phần chi. Cả hai phần thu và chi này phải được qui định tùy theo mức gia tăng nợ. Nếu bỏ qua sự di chuyển ngân sách từ tài khóa này sang tài khóa kế tiếp thì ba khoản thu, chi và gia tăng nợ liên kết chặt chẽ với nhau trong phương trình " $Chi - Thu = Tăng\ nợ$ ". Khi hai trong ba khoản này đã được quyết định thì khoản thứ ba cũng mặc nhiên được quyết định. Quốc hội Mỹ đã thảo luận xong phần thu ngân sách trong đó tổng thống Obama không có ý kiến ; như vậy với một số gia tăng nợ đã dự đoán trước được thì khối lượng giảm chi cũng đã hiển nhiên, chỉ còn vấn đề là cắt bao nhiêu trong những khoản chi nào mà thôi. Nhưng Obama, qua các dân biểu Dân Chủ, lại phản đối các cắt giảm và đòi tăng thu dù phần này đã thảo luận xong rồi. Và tạo ra bế tắc. Thực ra cũng có vấn đề gia tăng số nợ công ở mức độ vừa đủ cho năm 2011 (như đảng Cộng Hòa muốn) hay cho tới hết năm 2012 (như Obama và đảng Dân Chủ muốn) để nó không còn là một đề tài tranh cãi trong cuộc bầu cử tổng thống sắp tới, nhưng nếu Obama chỉ tìm thỏa hiệp trên điểm này thì đã không đến nỗi gay go như vậy).

Thái độ của Obama còn đáng để ý ở một điểm khác : lúc đầu ông than phiền rằng thỏa hiệp đáng lẽ phải tốt hơn nữa (nghĩa là giảm chi ít hơn và tăng thuế nhiều hơn), ngay sau đó khi các chuyên gia đánh giá là mức giảm chi còn quá thấp, ông lại ra sức biện bạch rằng thỏa hiệp ngân sách này là rất tốt và sẽ đưa Hoa Kỳ ra khỏi khó khăn. Ông tỏ ra không hiểu tình trạng nghiêm trọng của kinh tế Mỹ và thế giới.

Barack Obama và Angela Merkel, và bộ tham mưu của họ, không phải không nhìn thấy những biện pháp bất buộc. Cách ứng xử của họ cần được nhận định trong khuôn khổ của văn hóa chính trị mà họ vừa là sản phẩm vừa là con tin. Và đó chính là vấn đề.

Điều mà mọi người có thể nhận xét, dù không có lý thuyết nào chứng minh, là trong hai thập niên vừa qua hình như có một quan hệ mật thiết giữa dân chủ và nợ công. Các chính quyền dân chủ dù giàu mạnh vẫn nợ chồng chất trong khi các chế độ độc tài ngay cả trong những nước nghèo cũng ít khi mắc nợ, có khi còn có tiền cho vay như trong trường hợp Trung Quốc. Lý do là vì muốn giành thắng lợi trong các cuộc bầu cử các chính khách phải lấy lòng dân, và cách dễ nhất để được lòng dân là gia tăng ngân sách xã hội, dù đặc tính của các chi phí xã hội là tăng thì dễ nhưng giảm thì rất khó.

Thâm thủng ngân sách và nợ công là hậu quả của một văn hóa chính trị xuất phát từ Hoa Kỳ và nhanh chóng tràn qua tại các nước dân chủ khác. Trong văn hóa này, âm thanh và hình ảnh gần như là tất cả trong việc chọn lựa các cấp lãnh đạo quốc gia, kinh nghiệm và tài đức không quan trọng ; hình thức cần hơn nội dung, bề ngoài cần hơn bề trong. Thành tích và công lao cũng không đáng kể bởi vì văn hóa nghe nhìn này không có kỷ ức, nó chỉ biết cái trước mắt ; điều quan trọng nhất của một lãnh tụ chính trị là trẻ đẹp và mới. Nó được tăng cường với sự phát triển của các phương tiện truyền thông đại chúng thuận lợi cho sự phổ biến những ý kiến giản dị dù sai (*economy, stupid*) và dễ nghe dù hơi hợt (*yes, we can !*).

Lập luận nền tảng ở đây là người lãnh đạo tối cao không cần giỏi, chỉ cần có những phụ tá và cố vấn tài ba. Không gì sai hơn. Các vấn đề ngày càng nhiều và càng phức tạp, muốn trọng tài *nhanh chóng* giữa các giải pháp mà các phụ tá đề nghị thì phải hiểu rõ những lợi hại của từng giải pháp và có cái nhìn bao quát và thấu đáo hơn họ. Trong kỷ nguyên tri thức này người lãnh đạo cao nhất cũng phải là người giỏi nhất. Chính cái văn hóa chính trị này phải được xét lại bởi vì chính nó đã đưa lên cầm quyền những người không đủ bản lĩnh và quyết tâm để lấy những quyết định khó khăn và nhức nhối, khiến Hoa Kỳ và Châu Âu sa lầy.

Trong hai mươi năm qua Hoa Kỳ đã ba lần bầu sai tổng thống. Năm 1992 Bill Clinton, một thanh niên trơn lỉnh với đạo đức kém và kinh nghiệm chính trị không đáng kể, đánh bại George Bush, một anh hùng trong thế chiến II và một nhà chính trị đầy thành tích, kinh nghiệm và bản lĩnh, để trở thành tổng thống Mỹ. Năm 2000 George W. Bush (Bush 43) một người lương thiện và quả quyết nhưng hầu như không hiểu gì về thế giới, đánh bại Al Gore xuất chúng và kinh nghiệm để trở thành một trong những vị tổng thống vụng về nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Năm 2008, Barack Obama hoàn toàn không

có một kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý nào đánh bại John McCain dũng cảm và lão luyện.

Cả ba tổng thống Mỹ gần đây đều đã được bầu vì họ trẻ đẹp, mới xuất hiện và có bộ tham mưu tranh cử giỏi chứ không phải vì thành tích, tầm nhìn và bản lĩnh. Họ đều là những người hời hợt, quá thành công và bận rộn với danh vọng để có nhu cầu và thời giờ để học hỏi và suy nghĩ. Họ không hiểu rằng một biện pháp kinh tế có thể có lợi trong ngắn hạn nhưng độc hại trong dài hạn. Họ không nhìn các chế độ độc tài như một sự xúc phạm bởi vì họ không ý thức được rằng chính trị chỉ có ý nghĩa nếu lấy con người - và tự do và phẩm giá con người - làm cứu cánh. Đối với họ, chính trị là vận động tranh cử, là diễn thuyết như thể nào trước đám đông, là xuất hiện như thể nào trên màn ảnh. Họ là những người quá vội vã để có thể dành thời giờ cho triết lý chính trị và những ưu tư dài hạn.

Những người lãnh đạo được bầu như vậy dĩ nhiên không có tư cách và uy tín để áp đặt những cố gắng lớn, dù cần thiết. Họ chỉ có thể đưa ra những chính sách dễ dãi và tránh né những quyết định khó khăn. Và nói chung trong hai mươi năm qua, Hoa Kỳ và Châu Âu đã chỉ có những người cầm đầu như thế. George W. Bush (Bush 43) đã rất mất lòng dân vì ông áp đặt những cố gắng lớn - tuyên chiến với khủng bố, đánh đổ Saddam Hussein, dân chủ hóa khối Hồi Giáo, hỗ trợ nhân quyền trên khắp thế giới v.v. - mà không hiểu rằng nếu đó là những mục tiêu của dân chúng Mỹ thì họ đã không bầu ông.

Hậu quả chính trị đã rất nặng nề. Clinton đã không dám can thiệp vào Somalia, để nước này tan rã và trở thành vùng đất dung thân của các tổ chức khủng bố và đạo tặc, đã để mặc cho Bin Laden mặc sức phát triển tổ chức Al Qaeda, dù Bin Laden đã trắng trợn khiêu khích và gây những thiệt hại lớn cho Mỹ. Theo đuổi chính sách đối ngoại thực tiễn, Clinton đã bình thường hóa quan hệ với mọi chế độ độc tài miễn là chúng không ra mặt chống Mỹ. Trào lưu dân chủ rầm rộ trên thế giới trong thập niên 1980, làm sụp đổ khối cộng sản và các chế độ độc tài quân phiệt ở Châu Mỹ La Tinh, đã khựng hẳn lại từ khi Bill Clinton lên cầm quyền tại Mỹ.

Chính sách đối ngoại thực tiễn còn được công khai hóa như một chọn lựa chính trị cơ bản của Hoa Kỳ với Obama. Ngay trong bài diễn văn nhậm chức, Obama đồng ý tuyên bố : *"Đối với các chế độ độc tài bịt miệng đối lập, chúng tôi nói quý vị đi sai chiều lịch sử nhưng nếu quý vị chia tay ra chúng tôi vẫn nắm lấy"*. Vài tháng sau, tại Cairo ông nói thêm : *"Không một quốc gia nào có quyền quyết định thể nào là một chế độ tốt cho một quốc gia khác"*. Hoa Kỳ không còn coi dân chủ và nhân quyền như những giá trị phổ cập. Kinh tế là tất cả. Cuộc Cách Mạng Ả Rập mà chúng ta đang chứng kiến đã diễn ra không phải vì Hoa Kỳ muốn, mà mặc dù Hoa Kỳ không muốn.

Nhưng kinh tế nào ?

Clinton tranh cử với khẩu hiệu *"Economy, stupid"* có nghĩa là "kinh tế, thể thôi", hay "kinh tế là tất cả", nhưng thực ra chỉ là "kinh tế ngu xuẩn" vì độc hại về lâu về dài. Ông đã đắc cử vì lúc đó kinh tế Hoa Kỳ đã khựng lại từ 1991. Sự khựng lại này một phần có nguyên nhân kỹ thuật tự nhiên vì kinh tế Hoa Kỳ đã tăng trưởng liên tục và mạnh mẽ trong mười năm, thời gian trung bình của



một chu kỳ tăng trưởng, và một phần vì những chi phí lớn cho cuộc đấu tranh đánh bại khối cộng sản và cho cuộc chiến vùng Vịnh đầu tiên.

Với lập trường "*Economy, stupid*", Clinton đã tạo ra một giai đoạn phồn vinh giả tạo. Tiêu thụ được khuyến khích tối đa, tài chính là tất cả thay vì là một dụng cụ quản lý kinh tế, các sản phẩm đầu cơ tài chính và địa ốc - *Credit default swap, derivatives, short selling etc.* - mà Warren Buffet gọi là "những vũ khí giết người hàng loạt" được hoàn toàn thả lỏng. Clinton còn cho biểu quyết một đạo luật cấm mọi kiểm soát đối với các sản phẩm đầu cơ. Tình trạng bệnh hoạn này tiếp tục trong tám năm của George W. Bush vì Bush 43, dù có nhìn thấy mối nguy, cũng quá sa lầy tại Iraq để có thể thay đổi chính sách đang còn được lòng dân này. Sau Bush 43, Obama lên cầm quyền vào giữa lúc Hoa Kỳ khủng hoảng nặng và kéo theo cả thế giới vào khủng hoảng, nhưng chính sách quan trọng nhất của ông là gia tăng chi phí xã hội, một điều dù nhân bản và đúng trong lâu dài cũng không đúng lúc.

Cách giải quyết khủng hoảng kinh tế của Hoa Kỳ và hầu hết các nước là bơm thêm hàng ngàn tỷ USD vào hệ thống ngân hàng. Nhưng đây chỉ là những biện pháp cấp cứu, chờ đợi những biện pháp mạnh để giải quyết những nguyên nhân thực sự của cuộc khủng hoảng : nợ công quá cao, thâm thủng mậu dịch kéo dài, tiêu thụ nhiều hơn sản xuất. Những biện pháp triệt để này không thể áp đặt, các nhà lãnh đạo được bầu ra vì trẻ đẹp và hoạt bát chứ không phải vì uy tín, tài đức và kinh nghiệm. Họ chỉ có thể theo đuổi những chính sách dễ dãi, nghĩa là mỵ dân và ngắn hạn.

Nói chung, tư tưởng kinh tế thời thượng trong hai thập niên qua, kể từ khi Bill Clinton đắc cử tổng thống Mỹ, là kích thích tăng trưởng bằng cách khuyến khích tiêu thụ và thả lỏng đầu cơ. Đó là chủ thuyết kinh tế của J.M. Keynes đã từng được thử nghiệm và làm nhiều nước điêu đứng trong thập niên 1970, không phải vì sai mà vì không thể áp dụng trong một sinh hoạt kinh tế toàn cầu hóa. Keynes chỉ lý luận trong khuôn khổ một sinh hoạt kinh tế quốc gia khép kín và ông cũng không bàn tới đầu cơ tài chính.

Trong "chủ nghĩa Keynes tân trang" này, một tỷ lệ tăng trưởng GDP khả quan được coi như có khả năng biện minh cho tất cả, bất kể nó được đạt tới bằng cách nào, với những hậu quả nào. Các lý thuyết gia của nó lạc lõng trong các lý thuyết phức tạp mà quên một điều rất cơ bản là không ai - dù là một cá nhân, một gia đình, một công ty hay một nhà nước - có thể mãi mãi vay nợ để chi tiêu nhiều hơn thu nhập. Tình trạng thâm thủng càng để lâu càng khó chữa, và nó đã kéo dài quá lâu. Nợ công đã đạt tới, trong đó nhiều nước đã vượt qua, cái ngưỡng cửa đáng sợ 100% GDP. Một cách cụ thể, cột mốc này có nghĩa là nếu lãi suất gộp trung bình của các khoản nợ là 4%, một lãi suất vừa phải, và tăng trưởng kinh tế cũng là 4%, một tỷ lệ tăng trưởng khả quan, thì toàn bộ tăng trưởng sẽ bị chiếm đoạt để trả tiền lãi của khối nợ công thay vì để cải thiện đời sống của dân chúng.

Ý thức về nguy cơ của nợ công vào lúc này, sau những biến động vừa xảy ra, đã mạnh đến nỗi nhiều chính đảng đề nghị đưa vào hiến pháp một điều khoản cấm bội chi ngân sách. Thế giới đã bùng tình. Các chính sách giảm chi không còn thất nhân tâm như trước nữa. Mọi người đều hiểu là đã đến lúc phải thắt lưng

bụng, làm việc nhiều hơn, tiêu thụ ít hơn, các chính quyền phải giảm chi tiêu và tăng thuế ngay cả nếu vì thế mà tạm thời tăng trưởng kinh tế bị giới hạn. Những người biểu tình tại Athens, Madrid và Roma thừa biết là không có chính sách nào khác, họ bày tỏ trước hết sự phẫn nộ với các chính quyền mỵ dân đã đưa họ tới thảm kịch.

Một trang sử mới của thế giới đã mở ra.

Những thất vọng và thiệt hại do cuộc khủng hoảng kéo dài này gây ra chắc chắn phải khiến người Mỹ chọn lựa một cách nghiêm chỉnh hơn tổng thống và nhân sự lãnh đạo chính trị của họ. Chúng cũng có thể khiến họ ý thức được sự tai hại của chế độ tổng thống, một chế độ bầu cho một người và do đó cho phép một cá nhân chiếm được vai trò lãnh đạo quốc gia nếu có khả năng truyền thông, phương tiện tài chính dồi dào và một nhóm vận động tranh cử giỏi mà không nhất thiết phải có bản lĩnh chính trị. Các nước Châu Âu cũng sẽ bị lôi cuốn vào một xét lại tương tự song song với một kết luận mà họ bắt buộc phải rút ra sau những lung củng vừa qua là phải nhanh chóng tiến gần tới một cơ cấu liên bang.

Châu Âu, cái nôi của dân chủ, sẽ mạnh hơn sau khúc ngoặt này. Đảng nào thì Hoa Kỳ và Châu Âu cũng sẽ phải thay đổi cách chọn lựa những người lãnh đạo. Những chính trị gia chân chính đương nhiên sẽ gần bó hơn với các giá trị dân chủ và nhân quyền và họ cũng có bản lĩnh và quyết tâm hơn để thắng tiền những giá trị này. Đó là một điều chắc chắn, và đáng mừng.

Điều còn chắc chắn hơn là từ đây mọi cố gắng của các nước dân chủ phát triển sẽ phải dồn vào hướng giảm tiêu thụ, song song với tăng thuế, để thắng bằng ngân sách và giảm khối nợ công đã đạt quá giới hạn chịu đựng. Hậu quả tự nhiên là nhập khẩu và đầu tư ra nước ngoài sẽ sút giảm nặng. Giai đoạn của mô hình phát triển hướng ngoại dựa trên xuất khẩu và đầu tư nước ngoài đã chấm dứt. Các nước như Trung Quốc và Việt Nam sẽ không còn có thể bóc lột công nhân tối đa để xuất khẩu thật nhiều với giá thật rẻ mà sẽ phải trông cậy trước hết vào thị trường nội địa. Và muốn như vậy thì phải chấp nhận một khối nhân dân giàu mạnh hơn, tự do hơn, với khả năng đòi dân chủ lớn hơn.

Nhưng phải chăng sự kiện các nước dân chủ giảm nhập khẩu, giảm đầu tư ra nước ngoài và giảm viện trợ cũng sẽ đồng thời làm giảm khả năng gây áp lực bên ngoài dân chủ và nhân quyền ? Không, trái lại. Khi xuất khẩu trở thành khó khăn hơn thì các nước bắt buộc phải ít nhiều lệ thuộc xuất khẩu, như phần lớn các nước chưa phát triển, còn lệ thuộc áp lực bên ngoài hơn trước. Người ta càng phải chiều khách hơn khi khó bán hàng. Trong trường hợp Việt Nam, áp lực bên ngoài dân chủ sẽ chỉ có thể mạnh hơn. Hiện nay nó hầu như không có. Và áp lực dân chủ hóa đến từ bối cảnh thế giới còn mạnh hơn nữa vì chúng ta đang chứng kiến sự khởi đầu của một làn sóng dân chủ mới.

Tuy vậy, bối cảnh quốc gia và thế giới dù thuận lợi đến đâu cũng không đủ. Dân chủ sẽ chỉ đến với đất nước nếu người Việt Nam, trước hết là trí thức Việt Nam, dám tranh đấu và, quan trọng hơn, biết tranh đấu để giành lấy. Chúng ta chỉ có quyền lạc quan sau một cố gắng tự xét không khoan nhượng.

Nguyễn Gia Kiểng
(09/2011)



Thời sự

Trung Quốc : đe dọa nào cho Việt Nam ?

Nguyễn Văn Huy

Trong suốt hai tháng hè vừa qua, không những dư luận trong và ngoài nước Việt Nam mà cả dư luận quốc tế đã rất xôn xao trước những tham vọng của Bắc Kinh trên vùng Biển Đông.

Tàu thuyền quân sự và dân sự của Trung Quốc đã liên tục xâm nhập vào hải phận của các quốc gia Đông Nam Á, đặc biệt là khu vực kinh tế độc quyền (EEZ-Exclusive Economic Zone) của hai nước Philippines và Việt Nam. Không những thế, các tàu tuần dương và đánh cá của Trung Quốc còn xông vào cắt cáp dò tìm lòng đại dương của tàu thuyền Việt Nam và đổ dụng cụ xây dựng trên các hải đảo ngoài khơi Philippines. Những hành vi côn đồ này tuy có bị dư luận quốc tế lên án trong những hội nghị ASEAN cấp cao, nhưng Bắc Kinh đã không nhìn nhận sai trái của mình mà còn đưa thêm tàu quân sự vào tuần tra trên các vùng biển đang tranh chấp, đặc biệt là cho hạ thủy chiếc hàng không mẫu hạm đầu tiên, Thị Lang, ngày 11-8 vừa qua, như để răn đe quốc gia nào dám cản trở tham vọng bành trướng của họ trên Biển Đông.

Dư luận Việt Nam đã rất quan ngại trước những áp lực này, nhiều cuộc xuống đường biểu tình chống Trung Quốc đã xảy ra trong suốt hai tháng hè vừa qua và chưa có dấu hiệu nào cho thấy phong trào sẽ suy giảm, mặc dầu bị ngăn cản bởi các chính quyền địa phương. Ai cũng sợ Trung Quốc. Không những dân chúng trong nước mà cả các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương rất lo sợ bị Trung Quốc tấn công bằng quân sự.

Sự sợ hãi này là chính đáng vì Trung Quốc quá lớn và quá mạnh so với Việt Nam, số người thiệt mạng và tài sản bị hư hại trong các cuộc xung đột vũ trang với Trung Quốc chắc chắn là rất cao, như đã từng xảy ra trong những năm 1979-1980 tại Lạng Sơn và Cao Bằng. Nhưng... thực tế đã không phải như vậy, các cấp chính quyền cộng sản Việt Nam kể cả quân đội sợ khi xảy ra chiến tranh với Trung Quốc, họ sẽ mất cơ hội làm ăn với các công ty, xí nghiệp Trung Quốc đang hiện diện trong nước, lợi tức của họ sẽ giảm đi.

Tuy nhiên đe dọa bằng quân sự của Trung Quốc là có thực nếu chỉ nhìn vào số lượng những trang thiết bị hiện đại mà báo chí trong và ngoài nước cho biết. Kinh phí quân sự hàng năm của Trung Quốc được ước lượng khoảng 130 tỷ USD (ngang bằng ngân sách hàng năm của Việt Nam), đứng hạng hai thế giới, sau Hoa Kỳ. Một cách khách quan, trang bị quân sự của quân đội Trung Quốc ngày nay được xếp ngang hàng với những quốc gia phát triển nhất thế giới, nghĩa là được hiện đại hóa một cách đáng kể. Trung Quốc có hàng ngàn chiến đấu cơ, hàng ngàn tàu chiến, gần 100 tàu ngầm đủ loại, đó là chưa kể những binh chủng thiện chiến chính quy đang được đào tạo gấp rút trong những năm qua. Nếu xảy ra chiến tranh, với những trang thiết bị hiện nay, Việt Nam không phải là đối thủ của Trung Quốc.

Nhưng Trung Quốc có dám đánh Việt Nam không ? Câu hỏi có ngay câu trả lời : không ! Trung Quốc sẽ không có lợi gì khi đánh Việt Nam. Thứ nhất sẽ bị dư luận thế giới lên án và bị cô lập về chính trị và ngoại giao ; thứ hai hàng hóa của Trung Quốc sẽ bị tẩy chay trên các thị trường quốc tế để phản đối, điều này sẽ gây nhiều thiệt hại cho nền kinh tế Trung Quốc ; thứ ba là sự đề kháng của dân tộc Việt Nam mà thiệt hại nhất là những cơ sở và cư dân gốc Hoa đang sinh

sống tại Việt Nam, và sau cùng là Trung Quốc không đủ khả năng tài chính để duy trì áp lực quân sự trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Hơn nữa Trung Quốc cũng sẽ không tìm ra được lý do nào để đánh Việt Nam, vì Việt Nam không hề xâm phạm lãnh thổ và lãnh hải của Trung Quốc. Thái độ của các cấp cộng sản cộng sản Việt Nam hiện nay là im lặng, nhẫn nhục chịu đựng để bảo tấp qua đi.

Thái độ của Philippines cũng không khác. Manila muốn giải quyết mọi tranh chấp trong hòa bình, nhiều buổi hội họp cấp cao giữa ASEAN và Trung Quốc đã được tổ chức trong suốt nhiều ngày qua. Phe nào cũng biết không có giải pháp cho một cuộc đụng độ vũ trang trên Biển Đông.

Vậy thì tại sao Bắc Kinh cứ tiếp tục gây hấn và làm áp lực với các quốc gia đang có tranh chấp về lãnh hải ? Đó là một câu hỏi cần phải trả lời một cách dài dòng, vì không giản dị. Chính Trung Quốc đang bị đe dọa chứ không phải những quốc gia nhỏ bé lân cận.

Quyết tâm bành trướng trên Biển Đông và phô trương lực lượng của Bắc Kinh chỉ nhằm che giấu một sự thật : Trung Quốc đang có nguy cơ bị tan rã. Bắc Kinh tung ra những đòn hỏa mù để đánh lừa dư luận quốc tế nhằm che đậy những

khó khăn mà các cấp chính quyền Trung Quốc đang phải đối phó : trữ lượng ngoại tệ suy giảm, tổng số nợ khó đòi quá cao, nạn khan hiếm năng lượng, lũ hồng ngân sách quốc phòng, hỗn loạn xã hội và nạn sử quân.

Trong suốt 30 năm qua, Trung Quốc đã đạt đến một tỷ lệ phát triển cao hơn 10% nhờ gia tăng tốc độ sản xuất công nghiệp. Để đạt được con số tăng trưởng đó, nền sản xuất Trung Quốc cần rất nhiều nguyên liệu và nhiên liệu, hai thứ mà lòng đất Trung Quốc không có. Tất cả đều phải nhập khẩu với giá cao. Tình trạng này không thể tiếp tục vì trữ lượng ngoại tệ của Trung Quốc đang suy giảm.

Số ngoại tệ dự trữ của Trung Quốc hiện nay lên đến hơn 2000 tỷ USD, hơn 2/3 được dùng để mua công khố của Hoa Kỳ. Cũng nên biết các ngân hàng Trung Quốc hiện nay đang giữ trong tay khoảng 22% tổng số công của Hoa Kỳ (1268 tỷ trên tổng số 5763 tỷ USD), nếu kể thêm số công phiếu do Hồng Kông nắm trong tay, cả Trung Quốc giữ 25% tổng số công nợ của Mỹ, khoảng 1900 tỷ USD. Chỉ riêng trong tháng 8 vừa qua, khi hay tin Hoa Kỳ không đủ khả năng trả nợ, tổng trị giá công khố phiếu Hoa Kỳ nằm trong tay các ngân hàng Trung Quốc mất trắng 300 tỷ.

Bên cạnh đó là tổng số nợ khó đòi hiện nay của các ngân hàng Trung Quốc đã vượt trên 350 tỷ USD, tương đương với 5% GDP năm 2010. Khoảng tiền này được cấp cho những công ty xí nghiệp xây dựng lớn vay để hoàn tất các dự án xây cất cao ốc vào các dịp Thế Vận Hội Bắc Kinh 2008 và Hội Chợ Thượng hải 2010. Vấn đề những cao ốc này hiện nay không có người ở, trong khi chi phí bảo trì những cao ốc không có văn phòng và người ở này rất cao, nhiều tòa nhà đang bị hư hỏng vì thiếu bảo trì. Thêm vào đó, những người vay tiền để mua phòng ốc không dùng để ở mà để đầu cơ. Bong bóng địa ốc trong các thành phố lớn đang sắp bùng nổ, đây là mối lo mà những nhà lãnh đạo cấp cao Trung Quốc đang muốn giấu.

Quan trọng hơn là nạn khan hiếm nguyên nhiên vật liệu cho nền sản xuất công nghiệp và quốc phòng. Chính sự khan hiếm này đã



buộc Bắc Kinh phải mọi cách chiếm hữu các nguồn trữ lượng dầu khí dưới Biển Đông. Đây là nguồn năng lực chính để duy trì tốc độ phát triển cao và sự hùng mạnh của quân đội. Cũng nên biết Trung Quốc ngày nay là cường quốc kinh tế thứ hai, sau Hoa Kỳ và trước Nhật Bản ; ngoài than đá tổng số nhiên liệu cần cho một ngày hơn 100 triệu tấn dầu thô. Thêm vào đó, vì chưa làm chủ được nguồn năng lượng nguyên tử, hệ thống quốc phòng Trung Quốc lệ thuộc hoàn toàn vào nguồn dầu khí. Nếu xảy ra tranh chấp hay chiến tranh ngay trong lúc này và các đường vận chuyển năng lượng bị khóa, lực lượng tác chiến Trung Quốc không thể cầm cự quá một tháng vì thiếu nhiên liệu. Đây là mối lo chính của các cấp lãnh đạo đảng. Chính vì thế, những hù dọa của Trung Quốc trên Biển Đông và biển Đông Á không làm ai sợ, trừ đảng cộng sản Việt Nam.

Một mối lo khác là ngân sách quốc phòng hiện nay là một lỗ hổng không đáy, đổ bao nhiêu tiền vào cũng không đủ vì tham vọng quân sự của đảng cộng sản tổ quốc vượt quá khả năng thực hiện. Cũng nên biết nền quốc phòng Trung Quốc sẵn sàng chi tiêu bất cứ giá nào để thụ đắc những kỹ thuật quân sự mới. Quân đội Trung Quốc hiện nay được trang bị đủ loại vũ khí hiện đại nhưng công nghiệp quốc phòng chưa thiết kế hay sáng chế các loại động cơ, dù chạy bằng diesel hay nguyên tử, tất cả đều phải mua lại bằng sáng chế của nước khác. Không cần biết giới hạn của mình, các cấp lãnh đạo Trung Quốc còn muốn tranh đua với Hoa Kỳ ngôi vị lãnh đạo thế giới về quốc phòng với những kế hoạch sản xuất hàng không mẫu hạm, tàu ngầm nguyên tử, máy bay và tàu chiến tàng hình, và trong chương trình phóng vệ tinh hướng dẫn định vị (GPS). Không phải tình cờ Hoa Kỳ đứng đầu thế giới trên các lãnh vực này, mỗi năm chính phủ Hoa Kỳ đã chi cho các chương trình này vài trăm tỷ USD, và sự tài trợ này đã kéo dài trong suốt 50 năm qua.

Một nỗi lo khác là bất ổn xã hội. Hiện nay những chu kỳ xây dựng cao ốc, nhà cửa đã hoàn tất, các ngành xuất khẩu hàng hóa đang sút giảm, các công ty, xí nghiệp Trung Quốc sa thải công nhân hàng loạt, đa số là những thanh niên từ nông thôn ra thành thị tìm việc. Khi mất việc không ai chịu trở về lại nông thôn. Nếu không tìm được việc làm ở nước ngoài, những thanh niên này ở lại thành phố, sống lây lất ngày này qua tháng nọ trong những khu nhà ổ chuột chờ tìm một công việc khác. Trước kia thời gian tìm việc mới nhanh nhất từ một đến ba tháng, nay kéo dài đến 6, thậm chí 9 tháng. Trong suốt thời gian chờ đợi này, không ai biết cái gì sẽ xảy ra nếu những thanh niên này trở nên bất mãn. Đó là ở thành phố, còn ở thôn quê sự nổi dậy của nông dân dữ dội hơn, họ sẵn sàng chiếm đóng đồn bót, xung đột với cảnh sát. Theo dự trù, trong năm 2011 này có đến 300 000 vụ nổi dậy của dân chúng nông thôn chống lại chính quyền.

Nhưng sự tan vỡ của Trung Quốc không đến bởi những khó khăn về kinh tế, tài chánh hay khan hiếm nguyên nhiên vật liệu và bất mãn của dân chúng, nó đến từ sự bất mãn giữa những tình duyên hải phát triển và giàu có ở phía đông và những tình lực địa chậm tiến và nghèo khó ở phía tây. Chính quyền trung ương đã làm nhiều cố gắng để san bằng hồ cách biệt này nhưng không thành công, những quan chức đến từ trung ương đã không những không giúp đỡ dân chúng địa phương mà còn thẳng tay đàn áp. Thực trạng này đã xảy ra tại Tân Cương, Tây Tạng và nay đang diễn ra tại Vân Nam và Quảng Tây. Các cấp chỉ huy các quân khu duyên hải sẵn sàng sử dụng bạo lực để duy trì trật tự, nhưng tình trạng này sẽ không thể tiếp tục kéo dài lâu. Sự khác biệt về văn hóa và tôn giáo giữa các sắc dân thiểu số và người Hán đã quá sâu và quá rộng khiến không thể hàn gắn, vì bất mãn đã chất chứa từ nhiều thế hệ và nhiều đời. Bất mãn giữa các

địa phương với trung ương hiện nay đã lên cao, chỉ cần một que diêm xuất phát từ một cấp chỉ huy có tài lôi kéo là bạo loạn sẽ liên xảy ra, nạn sứ quân là điều không tránh khỏi.

Trước những khó khăn này, Trung Quốc sẽ không dám gây chiến với bất cứ quốc gia nào. Tất cả những phô trương và áp lực nói trên chỉ nhằm hù dọa những cấp lãnh đạo yếu bóng vía như Việt Nam mà thôi. Mặc dù lệ thuộc vào Trung Quốc trên đủ mọi mặt, Bắc Triều Tiên đã không để báo như Việt Nam khi bị Bắc Kinh sai khiến.

Như vậy nỗi lo xung đột vũ trang với Trung Quốc coi như không có. Nỗi sợ Trung Quốc nằm trong lòng các cấp lãnh đạo đảng và nhà nước cộng sản Việt Nam, chứ không phải vì những phô trương bên ngoài. Đây mới là nỗi lo. Nếu không biết quản lý đất nước một cách thông minh, Việt Nam sẽ không sớm thì muộn sẽ trở thành một hậu phương mờ nhạt của Trung Quốc. Tại sao ?

Tại vì với những khó khăn trước mắt, Trung Quốc không phải là mối đe dọa trực tiếp của Việt Nam. Muốn gây hấn với Việt Nam, hay một quốc gia nhỏ bé nào đó như Lào, Miến Điện hay Thái Lan, Trung Quốc sẽ bị thiệt hại nhiều hơn là có lợi. Nỗi lo của các quốc gia nhỏ bé lân bang với Trung Quốc đến từ văn hóa và kinh tế. Đe dọa này không có mùi vị thực dân hay bành trướng, nó đến vì các dân tộc bản địa muốn.

Nhìn lại sinh hoạt văn hóa Việt Nam trong suốt 30 năm qua, tất cả bị bao trùm bởi văn hóa Trung Hoa. Lúc đầu đến từ Hồng Kông, Đài Loan, sau đó đến từ cộng đồng người Hoa hải ngoại rồi Trung Quốc. Trước năm 1975, dân chúng miền Nam say sưa với tiểu thuyết kiếm hiệp Kim Dung của Đài Loan và phim chương của Hồng Kông. Sau 1975, dân chúng Việt Nam tiếp tục say sưa với những bộ phim kiếm hiệp hay lịch sử Trung Quốc nhiều tập. Các trường đại học ngoại ngữ có đông sinh viên học tiếng Quan Thoại hơn tiếng Anh hay tiếng Pháp. Áo quần và thời trang tại Việt Nam hiện nay bắt chước theo Trung Quốc.

Vì cùng văn hóa, các cấp lãnh đạo địa phương tại Việt Nam chấp nhận dễ dàng sự hiện diện của người Hoa trên những địa bàn nhạy cảm nhất của Việt Nam như các khu vực biên giới, sắc tộc ít người và các trục lộ giao thông vận chuyển chính để khai thác kinh tế. Quan sát kỹ hơn, không một địa phương nào, không một vùng trọng điểm nào không có sự hiện diện của người Trung Quốc, kể cả những vùng hẻo lánh nhất trên dãy Trường Sơn tại Thanh Hóa, Quảng Bình, Quảng Trị và Tây Nguyên. Khi ký những hợp đồng với các công ty xí nghiệp Trung Quốc, các cấp chính quyền địa phương không những được quà cáp mà còn được mời sang Trung Quốc tham quan miễn phí. Đó cũng là trường hợp của những hợp đồng xây dựng các hệ thống hạ tầng cơ sở như đường sá, cầu cống, bến cảng, phi trường, trường học, nhà cửa, v.v. Chính vì thế hơn 90% các hợp đồng kinh tế và đầu tư quốc tế đều do các công ty Trung Quốc nắm giữ, sinh hoạt kinh tế Việt Nam đang nằm trong tay người Trung Quốc.

Về công nghiệp, gần như tất cả các ngành sản xuất công nghiệp và bán công nghiệp đều nằm trong các công ty xí nghiệp Trung Quốc. Khi viếng thăm những thành phố dọc khu vực biên giới với Trung Quốc, du khách cứ tưởng là một thành phố của Trung Quốc, đó là trường hợp của các thành phố Quảng Ninh, Đông Hưng, Cao Bằng, Lạng Sơn, Sapa, v.v.

Việt Nam đang bị Tây Tạng hóa. Văn hóa và kinh tế là những yếu tố trực tiếp đánh mất bản thể Việt Nam nếu không đề phòng. Vì thiếu tầm nhìn, các cấp chính quyền cộng sản Việt Nam cứ tiếp tục vô tư. Phải cảnh giác, đây là trách nhiệm của những cấp lãnh đạo mới.

Nguyễn Văn Huy

Tham luận

Phản động hay nô lệ tinh thần ?

Việt Hoàng

Tại Việt Nam từ “phản động” thường được dùng để chỉ những nhân vật bất đồng chính kiến, những người đấu tranh cho dân chủ hoặc những trang mạng ở trong cũng như ngoài nước có nội dung phản đối chính quyền Việt Nam. Phản động theo nghĩa phổ biến của chính quyền Việt Nam ngày nay thì có nghĩa là : *có tư tưởng chống đối và có thái độ thù địch với nhà cầm quyền, hay có hành động gây tác hại, làm cản trở sự phát triển của quốc gia hoặc gây bất ổn cho xã hội ?!*

Từ phản động hiện nay được dùng phổ biến đến nỗi những ai có ý kiến khác biệt với đảng cộng sản Việt Nam, bất chấp ý kiến đúng hay sai, đều có thể bị gán cho cụm từ “phản động”. Và cũng chưa bao giờ động từ “phản động” này lại được dùng nhiều như thời gian qua, nhất là sau các cuộc biểu tình của người dân Việt Nam chống lại âm mưu xâm chiếm lãnh thổ của Trung Quốc.

Từ phản động mà chính quyền Việt Nam, thông qua cơ quan báo chí, truyền thông và truyền hình, dùng để chụp mũ những người Việt Nam yêu nước tham gia các cuộc biểu tình tại Hà Nội đã gây ra một làn sóng phản đối dữ dội chưa từng có trong tầng lớp trí thức. Lý do cũng dễ hiểu : Trong những người trí thức yêu nước bị chụp cho cái mũ phản động có những tên tuổi lớn, những trí thức hàng đầu của Việt Nam.

Tôi chỉ xin đơn cử một trường hợp : Nhà văn Nguyên Ngọc, tác giả của những tác phẩm nổi tiếng như “Đất nước đứng lên”, “Rừng xà nu”, “Rẻo cao”... Ông là người đã trải qua những năm tháng ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Nhà văn Nguyên Ngọc, năm nay đã 80 tuổi và được biết đến như là một người thẳng thắn, khẳng khái và... nghèo. Các tác phẩm của ông đều dựa trên những nhân vật và sự kiện có thật, như anh hùng Núp ở Tây Nguyên. Ông ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng và các tấm gương người tốt việc tốt. Nhiều tác phẩm của ông được đưa vào sách giáo khoa để giảng dạy trong trường học tại Việt Nam. Một con người có nhân cách lớn như ông, mặc dù đã lớn tuổi và bận rộn công việc, vẫn cố gắng tham gia biểu tình cùng người dân, hòa mình vào những khát vọng và lo lắng chính đáng của người dân là một biểu tượng đáng quý. Đáng lẽ ra chính quyền Việt Nam phải mời ông đến để nói chuyện và lắng nghe thì ngược lại họ đã đưa hình ảnh của ông lên truyền hình Hà Nội để bôi nhọ những người tham gia biểu tình, họ còn trắng trợn vu cho ông bị các thế lực thù địch lôi kéo, xúi giục, lợi dụng và giật dây..?!

Nhà văn Nguyên Ngọc và các trí thức Việt Nam bị chụp mũ phản động đã phản đối bằng cách viết kiến nghị yêu cầu báo đài cải chính và xin lỗi, nhưng đáp lại chỉ là sự im lặng, hoặc ù xoe cho qua chuyện. Đây là một sự xúc phạm nặng nề đến tâm lòng yêu nước của tầng lớp trí thức Việt Nam. Hơn 60 năm qua, chính quyền Việt Nam đã biến từ phản động thành phản đảng, phản cách mạng, nói chung có nghĩa là phản bội nhân dân, phản bội tổ quốc. Những ai bị chính quyền gán cho tội phản động đều bị

tôi xin nhận. Nhưng đừng suy diễn rằng phản đảng là phản quốc và kết tội tôi chống lại đất nước. Đó là sự xúc phạm ghê gớm nhất đối với mỗi con người Việt Nam còn giữ trong mình lòng tự hào và sự khắc khoải chờ mong về tương lai dân tộc”.



Thế nhưng, thế nào là phản động thì mỗi người lại hiểu một cách khác nhau. Với chính quyền cộng sản Việt Nam thì cứ ai đụng đến đảng, chỉ trích đảng, hay đơn giản là không đồng tình với đường lối của đảng thì đều bị coi là phản động. Nực cười hơn nữa là chỉ có đảng cộng sản Việt Nam có quyền phán ai là phản động và khi đảng đã bảo ai đó là phản động thì đương nhiên người đó là phản động. Những gì do đảng cộng sản Việt Nam phán ra đều là chân lý !

Cũng chỉ có đảng cộng sản Việt Nam mới có quyền thay đổi cách phán xét một người nào đó từ phản động thành anh hùng, hay ngược lại. Một ví dụ sinh động là trường hợp bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc : ông Kim Ngọc, một anh hùng trong công cuộc đổi mới của đảng (tác giả của “Khoản 10”), đã từng bị đảng xem là một kẻ phản động vì dám chống lại chính sách và đường lối của đảng trong việc đưa các hợp tác xã tiến lên xã hội chủ nghĩa. Bộ phim “Bí thư tỉnh ủy” lấy ông Kim Ngọc làm nguyên mẫu đang được chiếu trên VTV4. Ai muốn biết thêm về sự lãnh đạo tài tình và sáng suốt của “đảng ta” thì nên chịu khó xem phim này.

Theo cách hiểu của tôi thì “*phản động là sự chống lại các trào lưu tiên bộ của xã hội*”. Như vậy, “*tất cả các hành vi, lời nói mà tác dụng của nó là chống lại những hành động, những tư tưởng tiên bộ, văn minh của con người đều là phản động*”. Nếu bạn đồng ý với nhiều suy nghĩa của tôi như trên thì những người trí thức Việt Nam đã không quản nguy nan để đồng hành cùng với người dân trong các cuộc biểu tình, hay những người cất cao tiếng nói đòi tự do dân chủ cho Việt Nam đều là những anh hùng của dân tộc. Họ không bao giờ là phản động cho dù chính quyền cộng sản Việt Nam cố gắng diễn giải cách nào đi nữa để gán ghép cụm từ phản động này cho họ. Bởi vì một lẽ đơn giản : tiêu chuẩn để đánh giá một người nào đó, hay một học thuyết nào đó là phản động hay tiên bộ phải là thực tế khách quan. Thực tiễn là thước đo cho sự đúng đắn của mọi chủ thuyết và hành động.

Trong một xã hội bùng nổ và không có tự do như Việt Nam hiện nay thì vẫn còn hiện tượng vàng thau lẫn lộn. Những người yêu nước và tiên phong trong việc đấu tranh bảo vệ chủ quyền tổ quốc và đòi tự do dân chủ cho nhân dân thì bị chụp mũ là phản động, còn những kẻ ăn trên ngồi trốc, thờ ơ, vô cảm, vô trách nhiệm với vận mệnh của đất nước, của muôn dân thì lại ngạo ngược cho mình là chân lý, là đỉnh cao trí tuệ, là có chính nghĩa sáng ngời...

Những người tiên phong và đi trước thời đại, đi trước số đông luôn là những người cô đơn, chịu nhiều thiệt thòi nhất cho mình và cho gia đình, nhưng việc làm của họ sẽ được nhân dân và tổ quốc sau này ghi nhận. Giai đoạn hiện nay là giai đoạn mà vận mệnh đất nước đang lâm nguy vì thù trong, giặc ngoài, nhưng



xem là thành phần nguy hiểm, xấu xa và đáng bị người dân xa lánh hoặc lên án.

Trong một bài viết cũ trên BBC, độc giả Trương Hùng (từ Hà Nội) đã viết rằng “*Anh có thể kết tội tôi phản đảng. Tôi ấy*

đồng thời đây cũng là cơ hội bằng vàng để những nhà trí thức, những người còn nặng lòng với non sông đất nước dân thân, cất cao tiếng nói đòi tự do, dân chủ. Ai phản động ? Ai yêu nước ? Có lẽ cũng không khó để nhận ra !

Qua sự kiện chính quyền Việt Nam vu cáo và chụp mũ các nhà trí thức yêu nước là phản động, chúng ta còn thấy thêm một điều đáng buồn nữa đó là sự “nô lệ về tinh thần” của một số bộ phận người dân. Càng thất vọng hơn, trong đó có một số trí thức tên tuổi. Kịch bản đầu tổ trí thức, bóng ma của quá khứ đầu tổ địa chủ đang được chính quyền sử dụng trên các phương tiện truyền thông “lề phải”. Qua cách phát biểu của một số người vô danh tiểu tốt (được báo đài khuyến khích) trên truyền hình, kết tội người này là phản động, kẻ kia là phản quốc, mọi người đều biết là họ đã bị chính quyền cộng sản lôi kéo, kích động để đề nghị chính quyền nên có biện pháp mạnh với những người biểu tình v.v.

Những người này là ai ? Đa số là những công dân bình thường không ai biết đến. Và tôi tin rằng họ phát biểu và lên án những người xuống đường biểu tình là hoàn toàn tự nguyện chứ không bị ép buộc, sau khi được mớm lời. Họ là những người “nô lệ” hoàn toàn về tinh thần, chỉ biết ăn theo, nói leo những gì mà nhà nước nói, tivi nói. Họ không có khả năng, hoặc không muốn động não để nhận biết và tìm hiểu xem bản chất thật sự của một sự việc hay một con người nào đó. Họ vô tư và thân nhiên kết tội những người trí thức hàng đầu tại Việt Nam, trong đó có nhiều nhà văn, nhà giáo, giáo sư, tiến sĩ... Họ vừa lộng ngôn vừa phạm pháp, những người bị họ lên án có thể khởi kiện họ ra tòa về tội vu khống và xúc phạm người khác. Tất nhiên, bây giờ chưa có tòa án nào tại Việt Nam xét xử những vụ như vậy nhưng trong tương lai chắc chắn sẽ xảy ra, và hiện nay đang xảy ra.

Tin mới nhất vừa nhận được cho biết những nhà trí thức bị vu khống và chụp mũ phản động đã chính thức khởi kiện đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nội. Đây là một việc làm cần thiết và là một tiền lệ để người dân bảo vệ mình trước sự vu cáo và bôi nhọ của báo chí nhà nước hoặc của những nô lệ về tinh thần.

Một số trí thức như phó giáo sư, tiến sĩ Vũ Duy Thông (báo Hà Nội Mới), hay đại úy Nguyễn Văn Minh (báo Quân Đội Nhân Dân)... (còn nhiều người nữa như Quý Thanh hay Hoàng Thu Vân nhưng tôi không muốn nhắc đến vì họ giấu mặt) cũng rơi vào tình trạng “nô lệ về tinh thần”. Họ nói và viết bất chấp sự thật, bất chấp thực tế trước mắt, họ chỉ biết nói đi nói lại những điều mà báo đảng đã nói suốt 60 năm nay.

Vì sao có tình trạng “nô lệ về tinh thần” này ? Việt Nam có cần một cuộc Khai Sáng hay không ? Thế nào là Khai Sáng ?

Triết gia lỗi lạc người Đức Immanuel Kant (1724-1804), người đặt nền móng cho kỷ nguyên Khai Sáng ở Châu Âu thế kỷ 18, trong bài “Khai Sáng là gì ?” viết :

“Khai sáng là sự vùng thoát của con người khỏi tình trạng lệ thuộc mà anh ta đã tự cột mình vào. Tình trạng lệ thuộc là khi người ta không có khả năng sử dụng được trí tuệ của mình nếu



không có sự giám hộ của kẻ khác. Tình trạng lệ thuộc là khi người ta có trí tuệ nhưng không đủ quyết tâm và dũng khí để sử dụng nó nếu không có sự giám hộ của kẻ khác. Vì vậy khẩu hiệu của khai sáng chính là : Trí thức

là sức mạnh ! Hãy dũng cảm sử dụng trí tuệ của chính mình !

Lười biếng và hèn nhát là nguyên nhân khiến cho nhiều người, ngay cả khi tự nhiên đã giải phóng họ khỏi giai đoạn cầm tay chỉ việc đáng ghét, vẫn lầy lăm sung sướng được làm trẻ con suốt đời. Cũng vì lý do đó mà nhiều kẻ mới trở thành người bảo hộ một cách dễ dàng đến thế. Đóng vai con trẻ mới để chịu làm sao !”.

Nên chú ý rằng bài viết này tác giả viết từ năm 1783 ! Tức là đã cách đây 228 năm.

Trí thức nói riêng và con người nói chung phải có tính độc lập : độc lập trong suy nghĩ, độc lập trong hành động và độc lập trong cuộc sống. Nếu không được như thế, người đó chỉ là một con cừu để người khác dắt mũi, một đứa trẻ mang hình hài của người lớn. Ai cũng biết là dưới những chế độ độc tài thì tự do và độc lập là những thứ cấm kỵ, nhưng không vì thế mà con người đành chấp nhận làm trẻ con mãi. Đứng trước một sự kiện hay thông tin mới chúng ta phải tìm hiểu xem đâu là sự thật bằng cách là đối chiếu sự kiện đó với cuộc sống thực tế trước mắt.

Quyền lợi của nhà nước (kẻ cai trị) luôn trái nghịch với lợi ích của đa số người dân (những người bị trị), nhất là trong một nhà nước độc tài. Đây là một sự thật rất hiển nhiên, tiếc thay không phải ai cũng hiểu. Tôi có một người bạn thân và một ông chú là trung tá bộ đội về hưu, rất quý nhau nhưng có một điểm mà tôi không bao giờ đồng ý với họ, đó là lúc nào họ cũng cho rằng chính quyền Việt Nam luôn luôn đúng ! Còn tôi thì cho rằng người dân là luôn đúng, luôn luôn có lý ! Họ chỉ là thường dân nhưng lúc nào cũng tưởng mình là quan chức của nhà nước để rồi từ đó ra sức biện minh cho mọi chính sách của nhà nước. Nếu một số đồng những kẻ bị cai trị lại tưởng mình là kẻ cai trị thì rõ ràng là có một cái gì đó không bình thường. Tai họa chắc chắn sẽ đến với người bị trị, vì kẻ cai trị sẽ được thể tha hồ làm mưa làm gió trong khi những kẻ bị trị ngày càng khốn khổ bởi sự bóc lột, lòng tham vô đáy và sự tàn nhẫn của những kẻ cai trị.

Mọi sự lầm lẫn đều phải trả giá nhưng lầm lẫn về giá trị của con người sẽ là lầm lẫn lớn nhất và phải trả giá cao nhất. Vì phản động, do không chịu hiểu qui luật của cuộc sống, không hiểu được bước tiến của bánh xe lịch sử, không hiểu được tâm tư nguyện vọng của người dân mà các nhà độc tài như Ali, Mubarak, Gaddafi và Ceausescu trước đó đã phải gánh chịu một kết cục bi thảm cho bản thân và cho gia đình.

Thế giới đổi thay nhanh chóng, với sự hỗ trợ của internet, mọi bức màn bí mật và giả dối lần lần đều bị rơi rụng. Người dân ngày càng khôn ngoan và hiểu biết hơn. Đã đến một giai đoạn mà các chính quyền không thể muốn làm gì thì làm. Cái gì phải đến sẽ đến. Để thay đổi số phận của một dân tộc, một cuộc cách mạng thôi sẽ không đủ. Trước hết dân tộc đó phải được Khai Sáng.

Và “để có thể khai sáng một cộng đồng, điều cần thiết duy nhất là tự do. Quyền tự do chất vẫn là hình thức tự do vô hại nhất để một người trình bày công khai lý trí của mình về mọi lĩnh vực” (I. Kant).

Để kết luận, tôi sẽ rất tự hào nếu được chính quyền Việt Nam xếp cùng với những người trí thức như nhà văn Nguyễn Ngọc là “thành phần phản động”.



Việt Hoàng

(Tập Hợp Dân Chủ đa Nguyên)

Thời sự Đông Nam Á

ASEAN : hành động chung về Biển Đông

Nguyễn Minh

Đầu năm 2011, các vấn đề liên quan đến chủ quyền trên các quần đảo Trường Sa, Hoàng Sa, tự do lưu thông trên vùng biển Đông Nam Á, thái độ cuồng bạo của Trung Quốc và phản ứng quyết liệt đối đầu của Philippines, Việt Nam và khối ASEAN đã làm cho dư luận thế giới quan tâm hơn.

Ngay trong những ngày đầu năm, hải quân Trung Quốc đã phát pháo vào các tàu đánh cá Philippines, đến tháng 5 tàu Trung Quốc đem các cột mốc và dụng cụ xây cất để sẵn trên đảo san hô mà Philippines từng tuyên bố chủ quyền.

Cuối tháng 5 và đầu tháng 6, các tàu hải giám Trung Quốc hỗ trợ các tàu đánh cá trá hình đã ngang nhiên xông vào cắt cáp của tàu điều tra địa chấn biển Bình Minh II và sau đó phá lưới của tàu Vikinh II của Tổng Công Ty PetroVietnam ở vùng biển gần mũi Đại Lãnh và nam Côn Sơn của Việt Nam.

Phản ứng lại các hành động đe dọa trắng trợn trên, vào giữa tháng 6 phía Việt Nam đã thực tập bắn đạn thật trên vùng đảo Trường Sa. Còn hải quân Philippines đã thực hiện cuộc tập trận lớn với hải quân Mỹ trong 10 ngày ở vùng biển Đông Nam Á để bày tỏ tư thế cương quyết đối phó của ASEAN. Trên cả hai nước đều có các cuộc biểu tình kháng nghị Trung Quốc, các thức giả cũng vạch rõ âm mưu của Trung Quốc và kêu gọi dân chúng chuẩn bị một luồng đối phó. Riêng ở Hà Nội, những cuộc biểu tình phản đối Trung Quốc đã nổ ra liên tiếp trong nhiều chủ nhật với số người tham dự ngày một tăng.

Các cuộc họp liên tiếp của bộ trưởng quốc phòng các nước ASEAN vào tháng 6, hội nghị bộ trưởng ngoại giao ASEAN +6 + Mỹ và Bắc Triều Tiên, Nga được tổ chức vào giữa tháng 7 ở Bali (Indonesia) cũng đã đề cập đến Tuyên bố về cách hành xử trên Biển Đông (DOC-Declaration on the Conduct of Parties), giữa ASEAN và Trung Quốc từ nay cho năm 2020, việc kêu gọi Nam Bắc Triều Tiên trở lại hiệp thương để họp lại hội nghị 6 bên về vấn đề hạt nhân của Bắc Triều Tiên... Thấy gì qua những sự kiện này ?



Biển Đông Nam Á và an ninh chung của ASEAN

Trong phiên họp, trước cuộc họp chính thức giữa các ngoại trưởng ASEAN và 9 nước khác, giữa ngoại trưởng 10 nước ASEAN và ngoại trưởng Dương Khiết Trì của Trung Quốc đã đạt đến một thỏa thuận mang tên "Phương châm tối thiểu 8 điểm". Nội dung nhằm thực hiện Tuyên bố về cách hành xử trên Biển Đông (DOC) trên hình thức vì thiếu quy định cụ thể về việc chứng nào sẽ soạn được Luật đối xử (COC-Code of conducts) làm nhiều người thất vọng. Nhưng dù sao quốc gia chủ nhà Indonesia cũng đã góp phần tạo ra một nền tảng thảo luận cơ bản về Biển Đông và qui tụ những nước đang có tranh chấp vào bàn họp để tránh những xung đột đáng tiếc có thể xảy ra trong vùng biển Đông Nam Á, ít nhất cho đến lần họp hội nghị thượng đỉnh Đông Á vào tháng 11 có sự tham dự của tổng thống Mỹ và Nga.

Vấn đề tưởng vậy là yên, nhưng vào ngày 21-7-2011, phát ngôn viên bộ quốc phòng Trung Quốc cho biết là chiếc hàng không mẫu hạm Thi Lang đầu tiên của Trung Quốc vừa hạ thủy và chỉ dùng vào việc huấn luyện và nghiên cứu. Nhưng một số quan sát viên quốc tế khác cho biết qua sự kiện này Bắc Kinh muốn cho thế giới biết Trung Quốc đang tự thiết kế các hàng không mẫu hạm.

Những quốc gia trong vùng như Nhật, Đại Hàn, Đài Loan, Philippines và Việt Nam rất cần lưu tâm đến biển cổ này. Bởi vì khi có hàng không mẫu hạm, Trung Quốc sẽ nó để làm áp lực trên những nước trong vùng để giải quyết những vấn đề tranh chấp về chủ quyền trên các biển Đông Hải và Đông Nam Á. Việt Nam là quốc gia chịu áp lực nặng nề nhất về mặt chiến lược.

Điều đáng lưu ý, theo giáo sư Marvin C. Ott, là giữa Việt Nam và Trung Quốc không hề có một hiệp ước ranh giới ngoài khơi nào, trừ Hiệp ước ranh giới ven bờ Vịnh Bắc Bộ ký vào đầu năm 2000, do đó giữa hai nước đã xảy ra và sẽ còn tiếp tục xảy ra những vụ tranh chấp về chủ quyền khác trên vùng biển Hoàng Sa và Trường Sa. Chính quyền cộng sản Việt Nam lên tiếng cho biết có nhiều bằng chứng cho thấy Trung Quốc sẵn sàng sử dụng quân sự để đe dọa và thị uy những quốc gia nhỏ bé hơn trong vùng như đã liên tiếp xảy ra trong năm 2011.

Vấn đề là phía Trung Quốc có chịu tuân theo "khuôn khổ đã có sẵn của quốc tế" (bug in to the existing international system) hay không, hay buộc Mỹ phải đóng vai trung gian can thiệp giữa các nước ASEAN và Trung Quốc. Những phô trương gần như đe dọa về quân sự gần đây của Trung Quốc trên Biển Đông đã hạn chế sự nhiệt tâm của các quốc gia trong cộng đồng ASEAN đối với Trung Quốc. Thực ra cả Trung Quốc và ASEAN vẫn có thể hợp tác chặt chẽ với nhau để giải quyết các vấn đề tranh chấp chủ quyền trên vùng biển Đông Nam Á với nhau. Không chỉ về chủ quyền, cả hai bên còn có thể hợp tác với nhau để khai thác tài nguyên và chống thiên tai và hải tặc.

Trong cuộc đối thoại về an ninh hỗ tương giữa ASEAN và Trung Quốc, những tranh cãi về chủ quyền và hợp tác khai thác tài nguyên đều bị tạm gác và chỉ bàn thảo về những chính sách hợp tác chung để chống hải tặc. Từ tháng 4-2006, việc một tàu đánh cá Trung Quốc bị hải tặc tấn công làm 4 ngư dân bị thiệt mạng, 3 người bị thương buộc ba nước Trung Quốc, Việt Nam và Philippines phải ngồi lại với nhau để bàn thảo việc tăng cường an ninh trên biển chống hải tặc. Từ sau ngày đó, ba bên đã đồng ý hợp tác trao đổi thường xuyên để ngăn chặn buôn lậu và tố cáo trước dư luận quốc tế về những vi phạm công pháp quốc tế trên vùng biển Đông Nam Á.

Định chế hợp tác liên quan đến chính sách chống hải tặc này được đặt tại eo biển Malacca. Từ tháng 7-2004, ba nước Malaysia, Indonesia và Singapore đã bắt đầu những phiên họp định kỳ về việc triển khai những biện pháp cảnh giác chống hải tặc. Ba nước đã đi đến đồng thuận cùng phối hợp về quân sự "săn đuổi nóng" (hot pursuit) những hải tặc chạy trốn hay trốn vào vùng biển giáp ranh giữa ba nước. Từ tháng 9-2005, ba nước Malaysia, Indonesia và Singapore cùng hợp tác trong chương trình giám thị trên không chung, mang tên EIS (Eyes in the sky). Với nguyên tắc không xâm phạm không và hải phận của nhau, ba nước đã làm giảm tai hại hải tặc. Thái và Mỹ cũng bày tỏ ý muốn cùng tham dự. Riêng Indonesia thiết lập 9 điểm radar để giám thị eo biển Malacca.

Cũng nên biết chính qua báo cáo của hãng bảo hiểm Lloyd (Anh), cho biết trong năm 2003 đã có 38 vụ tấn công cướp tàu của hải tặc trong eo biển Malacca, đã thúc đẩy sự hợp tác an ninh chung này. Qua đó, từ tháng 6-2004 hãng Lloyd đã quyết định tăng thêm tiền bảo hiểm "nguy hiểm thời chiến" cho các tàu qua lại vùng này, cao

nhất đến 5000 đô la/một tàu. Ngoài ra 5 nước Malaysia, Singapore, Anh, Úc, Tân Tây Lan cũng đã thành lập một tổ chức phòng vệ chung mang tên FPDA (Five powers defence arrangements). Vào tháng 6-2006, rút kinh nghiệm đợt sóng thần năm 2005 làm thiệt mạng gần 300 000 người, FPDA đồng ý tăng thêm phương tiện cứu trợ khi xảy ra tai nạn.

Giữa các nước ASEAN, ngày 20-2-2005 tổ chức MMEA (Malaysia maritime enforcement agency) được thành lập nhằm bảo vệ an ninh khu vực bờ biển chung trong đó có sự tham gia của Malaysia với 45 tàu, trong đó có hai tuần dương hạm 1300 tấn, Brunei với 10 tàu tuần dương của cảnh sát duyên hải, Philippines với 65 tàu tiêu giáp hạm cấp San Juan 500 tấn, Singapore với trên 100 tiêu giáp hạm cấp Jack 1000 tấn, Thái với 130 tiêu giáp hạm. Năm 1998, đội cảnh sát duyên phòng của Việt Nam được thành lập. Một số ngư dân Phú Yên đánh cá trái phép ở vùng biển Brunei bị bắt trong năm qua và đem ra tòa gần đây là do cảnh sát biển Brunei thực hiện.

Tóm lại các nước ASEAN có nhiều kinh nghiệm phong phú trong việc bảo vệ an ninh khu vực duyên hải của mình và nay đang tiến hành hợp tác để bảo đảm an ninh chung vùng biển Đông Nam Á. Trước sự hợp tác này, những hành vi hải tặc trong eo biển Malacca và trên biển Đông Nam Á giảm hẳn cường độ. Nếu Trung Quốc thành tâm hợp tác với các nước ASEAN để bảo vệ các đoàn tàu của họ trên biển Đông Nam Á và trên eo biển Malaccac, đội tàu Bắc Kinh chắc chắn sẽ được đón tiếp nồng hậu nhưng không được hành động tùy tiện.



Hành trình xây dựng cộng đồng ASEAN 2015

Việc đề đưa ra mục tiêu "thành lập cho bằng được cộng đồng ASEAN vào năm 2015" đúng là một quyết tâm đầy tham vọng. Lúc đầu, mục tiêu này dự định hoàn tất vào năm 2020, nay được rút ngắn hơn 5 năm. Khi đưa ra mục tiêu mới 2015, các nước ASEAN còn chứng tỏ một quyết tâm chung xây dựng cho bằng được ba cột trụ chính cho cộng đồng : cộng đồng bảo đảm an toàn ASEAN , thị trường chung kinh tế ASEAN và cộng đồng xã hội văn hóa ASEAN.

Nếu nhìn từ các công ty bản địa ASEAN, sự thành lập cộng đồng này đẻ ra một nghịch lý mới. Việc kết hợp các nước ASEAN thành một thị trường chung để tạo ra một thị trường lớn, với gần 4,5 triệu km2 và hơn 600 triệu dân, không biên giới ở Đông Nam Á sẽ đem lại nhiều cơ hội làm ăn. Tuy nhiên điều này sẽ tạo ra một sự cạnh tranh kịch liệt giữa các công ty ASEAN với các xí nghiệp đa quốc gia đã nằm sẵn trong vùng.

Nhưng nghịch lý trên sẽ không ngăn cản cơ hội mở rộng thị trường ra toàn thế giới. ASEAN sẽ trở thành vừa là một vùng sản xuất quy mô lớn của thế giới vừa là một thị trường đầy triển vọng của thế giới. Cùng với chuyển động này và phong trào toàn cầu hóa, cơ cấu năng động của vùng ASEAN sẽ không chỉ hấp dẫn các quốc gia Âu, Mỹ, Nhật Hàn mà cả các nước đang phát triển (tân hưng) khác như Trung Quốc, Ấn Độ, Châu Mỹ La Tinh, Nga. Tất cả đều xem ASEAN là một đối tác kinh tế hấp dẫn.

Đối với các khu vực kinh tế khác trên thế giới, nếu các xí nghiệp của các quốc gia này đã xây dựng được một cứ điểm sản xuất trong vùng ASEAN, họ có thể giao dịch với thị trường đầy năng động với hơn 600 triệu dân này. Bởi vì các quốc gia này có thể sử dụng năng lực đa phương các hiệp ước mậu dịch tự do (FTA) mà các nước ASEAN ký kết với khắp thế giới.

Từ sau 1990, trong lúc các cuộc thương thảo trong các tổ chức quốc tế như Uruguay Round, rồi WTO, bị đình trệ vì khác biệt chính kiến, các hiệp ước mậu dịch tự do đã chứng tỏ là một phương tiện liên kết kinh tế hữu hiệu. Từ năm 1993, các quốc gia ASEAN đã bắt đầu tiến hành ký những hiệp ước mậu dịch tự do (AFTA) đầu tiên. Việc này đã được tiến hành sớm do các nhà lãnh đạo ASEAN lúc đó nhận định rằng một khi Trung Quốc tăng tốc tiến hành mở cửa đón nhận đầu tư quốc tế sẽ có một phong trào thế giới đầu tư ồ ạt vào Trung Quốc, các nước ASEAN cần phải sẵn sàng để cạnh tranh và tranh giành với giới đầu tư quốc tế.

Năm 1997, cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á đã là một cơ hội tốt để chính quyền các nước ASEAN xích lại gần nhau. Tất cả đã tích cực sử dụng AFTA để kêu gọi các xí nghiệp quốc tế đầu tư vào ASEAN. Trong hội nghị cấp cao ASEAN năm 1999, các nhà lãnh đạo đã đi đến quyết định sẽ phá bỏ hoàn toàn quan thuế trong vùng vào năm 2015. Trong thực tế, vào tháng 1-2012, 6 nước đi trước trong vùng (Indonesia, Singapore, Thái Lan, Philippines, Malaysia và Brunei) trên nguyên tắc đã phá bỏ thuế quan lẫn nhau. Còn bốn quốc gia còn lại, đứng đầu là Việt Nam đã có lịch trình bỏ thuế hoàn toàn với ASEAN từ năm 2015.

Các nước ASEAN cũng đã từ hiệp ước bạn hữu kinh tế với Trung Quốc năm 1993 tiến hành ký kết FTA chính thức với Trung Quốc vào năm 2004. Sau đó ASEAN đã tiến hành lịch trình ký FTA lần lượt với Đại Hàn, Nhật, Úc. Nhờ đó, các xí nghiệp Nhật dù không có ký kết FTA với Trung Quốc, Đại Hàn nhưng thông qua cứ điểm sản xuất ở ASEAN vẫn hưởng được ân huệ về thuế quan nếu hàng hóa có xuất xứ từ ASEAN (Made in ASEAN). Thực tế này đã giúp cho các xí nghiệp ngoài ASEAN tăng thêm lượng xuất nhập khẩu 10% trong năm 2010 chỉ nhờ qua ngõ đầu tư vào ASEAN.

Tuy nhiên vì là một thị trường thông nhất, ASEAN có được các ưu điểm như nêu trên nhưng đã đặt ra các vấn đề sau :

- Các thủ tục giấy tờ trở nên phức tạp hơn, chẳng hạn về giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (certificate of origin) của các nước ASEAN chưa được thống nhất.

- Sự hấp dẫn của hiệp định bằng hữu kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (TPP-Trans Pacific Partnership) do Mỹ và 9 nước ở ba châu lục đề xuất gần đây cho thấy sự hấp dẫn của hiệp ước bạn hữu kinh tế mang tính đa vùng này, không những ở chỗ chủ trương xóa bỏ thuế quan mà còn do chủ trương dễ dàng hóa các thủ tục về đầu tư và di động dân số ở ba châu lục. Sự kiện này có thể đe dọa sự thống nhất của ASEAN vào lúc Trung Quốc đang gia tăng ảnh hưởng lên các nước Miên, Lào, Miên và Thái.

Do đó đối với các nước ASEAN, việc sớm đặt ra luật lệ mới về sự tự do di động trong vùng ngoài hàng hóa : thủ tục đầu tư và thông qua lao động và cư trú sẽ là các vấn đề cấp bách để duy trì sự hấp dẫn của cộng đồng kinh tế tham khảo kinh nghiệm Liên Hiệp Châu Âu.

Đối với bốn nước trong vùng (Singapore, Brunei, Malaysia và Việt Nam) tham dự vào hiệp định bằng hữu kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (TPP) có thể được xem như cùng một hướng xây dựng cộng đồng Đông Á như ASEAN hoạch định từ trước nay, nghĩa là mở rộng sang các đối tác kinh tế lớn như Mỹ và Châu Mỹ La Tinh (thông qua Chili, Argentina). Điều này sẽ khuyến khích các nhà đầu tư mới từ Châu Mỹ đầu tư thêm vào ASEAN . Nhờ đó sẽ bù lại việc Liên Hiệp Châu Âu (EU) từ 2009 đề ra phương châm không ký kết chung với toàn ASEAN mà chỉ ký kết với từng nước. Về hiệp định mậu dịch tự do (hiện nay đang bàn thảo với Singapore và Malaysia) chỉ vì trong

khỏi ASEAN còn có vấn đề không tôn trọng nhân quyền của ASEAN không đạt tiêu chuẩn Liên Hiệp Châu Âu.

Trong những ngày sắp tới, cộng đồng ASEAN sẽ là nền tảng vững chắc cho thị trường chung Đông Á hay TPP. Với triển vọng ASEAN 2020 được thông qua, ước muốn của hội nghị cấp cao ASEAN 1997 nhằm thành lập ba cộng đồng an ninh hỗ tương, kinh tế và xã hội văn hóa ASEAN vào năm 2020 sẽ được thành tựu. Nhưng vào năm 2002, thị trường Cio Choktom của Singapore đề nghị sớm chính thức thành lập "thị trường chung ASEAN ". Trong khi Indonesia nhấn mạnh vấn đề an ninh hỗ tương và lãnh đạo Philippines nhấn mạnh việc lập cộng đồng xã hội văn hóa ASEAN khiến lãnh đạo 10 quốc gia ASEAN tổ chức họp khẩn với nhau để ra "tuyên ngôn hiệp hội ASEAN lần 2" trong hội nghị cấp cao 2003 không định kỳ nhằm thành lập sớm hơn ba cộng đồng nói trên.

Năm 2004, ASEAN đã đề ra kế hoạch hành động chung. Trong năm 2007, ASEAN đưa ra bản thiết kế lịch trình thành lập cộng đồng kinh tế thí điểm (AEC-ASEAN Economic Community Blueprint), qua đó các chuyên viên đã tích cực đề nghị thành lập cộng đồng ASEAN sớm hơn vào năm 2015, với hiến chương ASEAN làm luật cơ bản.

Tuy nhiên trong việc thành lập cộng đồng an ninh hỗ tương ASEAN còn tồn tại vấn đề tranh chấp biên giới quanh đền Preah Vihear giữa Thái và Cam bốt chưa được giải quyết. Để tiến đến thành lập cho bằng được thị trường chung ASEAN vào năm 2015, cộng đồng ASEAN phải giải quyết các vấn đề sau :

- Nếu thị trường chung chỉ là bước tiếp hồi của AFTA thì không có vấn đề gì, vì theo dự định vào đầu năm 2012 sáu nước đi trước trong vùng (Indonesia, Singapore, Thái Lan, Philippines, Malaysia và Brunei) đã bỏ thuế quan và Việt Nam cũng dự định bãi bỏ vào năm 2015. Vấn đề còn lại là tại ba nước Miên (Myanmar), Lào, Cambốt vì ảnh hưởng của Trung Quốc trên sinh hoạt kinh tế còn khá nặng nề.

- Ngoài việc triệt bỏ quan thuế vào hàng hóa, việc tự do di động của các dịch vụ, đầu tư, lao động có kỹ thuật và tư bản tài chánh trong vùng cũng đòi bãi bỏ hàng rào quan thuế và các thủ tục hành chính rườm rà đang cản trở sự phát triển.

- Việt Nam và nhất là ba nước vào sau khác (Myanmar, Lào, Cambốt) đang bảo hộ các ngành kỹ nghệ còn yếu kém của mình có sẵn sàng chấp nhận thực hiện việc bỏ quan thuế theo dự định được không ?

- Ngoài ra còn phải kể đến những bất đồng về chi tiết có thể ảnh hưởng đến lịch trình thực hiện của dự án : chẳng hạn như vì muốn bảo vệ sinh hoạt sản xuất trong nước các quốc gia thành viên hạn chế nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài, tiêu chuẩn an toàn, việc ghi tất cả hàng hóa bằng tiếng địa phương mới cho phép nhập...

- Vì các quyết định của ASEAN dựa trên nguyên tắc đồng thuận, nếu có một nước chủ trương "không được can thiệp vào nội bộ các nước khác bó tay. Thêm vào đó, trong ASEAN không có biện pháp cưỡng chế nào đối với các quốc gia không thi hành những quyết định của ASEAN.

Khác với Liên Hiệp Châu Âu, cộng đồng thị trường ASEAN nhắm vào việc hợp tác kinh tế hướng ngoài hơn là hướng nội. Tiêu chuẩn để đánh giá cộng đồng ASEAN có được tổ chức thành công hay không tùy thuộc vào việc có tạo được sự liên kết vững chắc giữa các quốc gia trong vùng Đông Nam Á hay không, từ an ninh hỗ tương (đối với Trung Quốc), tổ chức chính trị khác nhau giữa các quốc gia, cộng đồng đa phương văn hóa đến việc có kêu gọi được sự đầu tư tham gia của các nước ngoài vùng do tính hấp dẫn của ASEAN.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Tham luận

Trung Quốc có rơi vào bẫy các nước có thu nhập trung bình ?

Trần Kha

Gần đây ở Trung Quốc có các cuộc tranh luận sôi nổi về cái bẫy của các nước có thu nhập trung bình. Lý do là trong năm 2010, tổng sản lượng quốc nội (GDP) của Trung Quốc đã vượt qua Nhật Bản, đứng hạng hai trên thế giới. Tuy nhiên cho dù cố gắng đến đâu, theo bảng xếp hạng của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), thu nhập bình quân đầu người của Trung Quốc trong năm 2010 khoảng 4382 USD/người, bằng 1/10 của một công dân Mỹ, Nhật, Singapore. Một cách khách quan, Trung Quốc đang bước vào câu lạc bộ các nước phát triển trung bình, hạng 93 trên tổng số 179 quốc gia (Việt Nam hạng 138 với 1173 USD/người).

Khi phó tổng thống Mỹ đến thăm Bắc Kinh và diễn thuyết tại Đại học Tứ Xuyên, đã có nhiều bài viết trên mạng cho đây là sự kiện đánh dấu Mỹ, nước mắc nợ công cao nhất thế giới, chuẩn bị nhường quyền bá chủ cho Trung Quốc, một cường quốc Châu Á đang phát triển (tân hưng) đang giữ nhiều công khổ phiếu (phiếu nợ quốc gia) nhất của Mỹ. Trung Quốc hiện nay đang giữ trong tay khoảng 22% tổng số công của Hoa Kỳ (1268 tỷ trên tổng số 5763 tỷ USD), nếu kể thêm số công phiếu do Hồng Kông nắm trong tay, cả Trung Quốc giữ 25% tổng số công nợ của Mỹ, khoảng 1900 tỷ USD.

Một học giả Trung Quốc ở Đại học Thụy Sĩ cho rằng tình trạng hiện nay của Hoa Kỳ giống trường hợp của Anh vào những năm 1950 khi đồng bảng Anh (sterling) bị đe dọa phá giá trong cuộc khủng hoảng kênh đào Suez. Kết quả là đồng bảng Anh đã nhường địa vị thống trị tài chánh, kinh tế thế giới cho đồng đô la Mỹ. Sau khi bị hãng đánh giá Standard & Poors hạ từ hạng AAA xuống A+, vì chính sách lúng túng của Hoa Kỳ trong việc giải quyết số nợ công (quốc trái Mỹ), Trung Quốc chuẩn bị thay thế vai trò bá chủ thế giới về kinh tế và tài chánh như một thế lực kinh tế đang lên.

Nhận định trên tuy có hơi kiêu căng nhưng cũng không sai. Nhìn kỹ tình trạng chung hiện nay về kinh tế và tài chánh trên thế giới, mặc dù Trung Quốc chỉ mới bước vào ngưỡng cửa các nước phát triển trung bình, nhưng so với các quốc gia phát triển trung bình khác Trung Quốc đã đứng trên hẳn và còn tiềm năng để tiến xa hơn. Trong khi nhiều nước phát triển trung bình (trung tiền quốc) khác ở Trung Nam Mỹ và Đông Á đã liên tục phát triển trong suốt bốn thập niên qua, từ 1960 đến 1990, phần lớn đang dậm chân tại chỗ hay phát triển thụt lùi.

Vấn đề đặt ra là Trung Quốc có đủ khả năng để tiếp tục vượt lên hay sẽ lặp lại thất bại của những quốc gia phát triển trung bình tại Trung Nam Mỹ và Đông Á trước đó ?

Nhắc lại quá khứ

Thuật ngữ "bẫy của những nước thu nhập trung bình" là tạo từ xuất hiện lần đầu tiên trong báo cáo "Phục hưng của vùng Đông Nam Á" của Ngân Hàng Thế Giới năm 2007.

Báo cáo này tóm tắt tình trạng của nhiều nước Trung Nam Mỹ và Châu Á đã thoát khỏi tình trạng chậm phát triển từ đầu thập

niên 1960 đến cuối thập niên 1990 để bước vào chiều các nước phát triển trung bình, phải đối đầu với các vấn đề nan giải như về khoảng cách biệt giàu nghèo ngày càng sâu rộng, về nạn hôi lộ, tham nhũng gia tăng, về môi trường sống ở đô thị bị ác hóa... Kết quả là các nước đang phát triển này đang có khuynh hướng rơi vào tình trạng kinh tế xã hội đình trệ dài hạn.

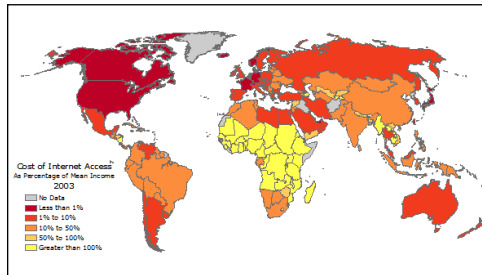
Những thí dụ đầu tiên của trường hợp này bắt đầu từ Chile, Argentin và các quốc gia Trung Nam Mỹ khác ; tại Châu Á, Malaysia, Thái Lan, Indonesia đều có hiện tượng chung giống nhau. Có thể nói sau thời kỳ tăng trưởng cao độ, những quốc gia đang phát triển này đã đạt được mức thu nhập bình quân 10000 USD/người, một con số kỷ lục, được cả thế giới ca ngợi là những kỳ tích, những con rồng mà chỉ một vài quốc gia Đông Á đạt được mà thôi, chẳng hạn như Nhật, Nam Hàn, Đài Loan, Singapore, Hồng Kông. Phải dài dòng nhắc lại quá khứ để thấy cố gắng của Trung Quốc trong suốt 30 năm qua, từ một trong những nước nghèo nhất thế giới đang bước vào chiều trên các nước phát triển trung bình.

Nhờ phép lạ nào Trung Quốc đã có một chỗ đứng vinh dự như ngày nay ? Đã trải qua những chặng đường cải cách và mở cửa như thế nào ? Trung Quốc có rơi vào bẫy các quốc gia có thu nhập trung bình để bước vào câu lạc bộ các nước tiền tiến hay không ? Theo các nghiên cứu trong nước của Trung Quốc, trường hợp Argentina vào năm 1964 đã có GDP/đầu người vượt mức 1000 USD (như Việt Nam hiện nay), đến năm 1990 con số này đã tăng lên 8000 USD/đầu người. Thế nhưng qua năm 2002, chỉ số đã rớt nhanh xuống còn 2000 USD/đầu người. Đây là thí dụ sụp bẫy rõ ràng nhất thế giới. Ngược lại, Đại Hàn (Nam Hàn) là một thí dụ thành công cần phải bắt chước. Vào năm 1963, với mức thu nhập GDP đầu người là 142 USD, Đại Hàn đã làm nhiều cố gắng ngoạn mục để đạt mức lợi tức bình quân đầu người năm 2008 là 20000 USD, một kỷ lục vượt mọi sức tưởng tượng. Sự khác biệt giữa hai trường hợp trên ở chỗ Nam Hàn đã tiến hành đổi mới khoa học kỹ thuật, đầu tư vào nghiên cứu khoa học kỹ thuật đến 3% GDP, trong khi Argentina vẫn tiếp tục giữ mức đầu tư vào nghiên cứu chỉ 0,4% trong gần 50 năm và không biết duy trì thành tích phát triển của mình, nghĩa là đầu tư vào các ngành giáo dục và kỹ thuật.

Thêm vào đó, chỉ tiêu về khoảng cách thu nhập, hệ số ở Argentina đã vượt qua mức báo động hỗn loạn xã hội từ 0.4 lên 0.5, trong khi ở Đại Hàn chỉ số này được duy trì ở mức 0.3 từ sau thập niên 1980. Nam Hàn đã thành công trong việc thu hẹp khoảng cách giàu nghèo. Nhật Bản và Đài Loan trước đó và Singapore sau thập niên 1990 có cùng phương thức duy trì tốc độ phát triển cao như tiếp tục canh tân khoa học kỹ thuật, hoàn thiện hệ thống giúp đỡ xã hội, để xã hội công dân kiểm soát sự hủ bại của quyền lực, hạn chế khoảng cách giàu nghèo và dân chủ hóa xã hội. Thí dụ ngược lại tại Đông Nam Á là hai nước Indonesia và Philipines. Dưới các chế độ độc tài đảng trị dai dẳng (của Suharto và Marcos), với những đặc quyền đặc lợi của phe nhóm cầm quyền, lợi tức đầu người của hai nước này cho tới nay chỉ trên dưới 2000 USD.

Trung Quốc tuy có phát triển khác đôi chút với những trường hợp vừa kể trên, nhưng về cơ bản cũng vẫn theo mô hình đàn sên bay (flying crane model) các nước Đông Á. Trong hơn 30 năm qua, Trung Quốc đã tiếp tục phát triển với tốc độ cao nhờ dựa vào chính sách tập trung đầu tư, chủ đạo xuất khẩu, sức lao động, chi phí năng lượng, điện nước và dịch vụ cộng cộng rẻ và trị giá đồng nhân dân tệ thấp. Tuy nhiên trong 3 năm gần đây, từ sau cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính năm 2008, Trung Quốc bắt buộc phải tăng tiền lương vì lực lượng lao động từ nông thôn ra thành thị tìm việc sẽ bước vào lão hóa (trên 65 tuổi) vào năm 2013 không đảm bảo nguồn lao động thay thế.

Có thể nói, trong hơn 60 năm dưới sự thống trị của đảng cộng sản, 30 triệu đảng viên kết hợp với khoảng 100 triệu tầng lớp đặc quyền đặc lợi cai trị 1,3 tỷ nô lệ tại Trung Quốc. Kết quả của sự độc quyền này là 1% gia đình đã chiếm hữu 40% tài sản quốc gia, tình trạng này đào sâu hố cách biệt giàu nghèo giữa nông thôn và thành thị, tạo tiền đề cho một cuộc nổi dậy qui mô trên toàn quốc mà không ai dám tiên đoán hậu quả. Thêm vào đó, nạn tham nhũng của cán bộ đảng và nhà nước đã làm thất thoát khoảng từ 10-20% GDP. Tỷ lệ bất ổn xã hội tại Trung Quốc đã lên 0.5 như các nước Trung Nam Mỹ. Các cuộc tụ



tập phản đối bất công, kể cả bạo động ngày càng nhiều ; dự đoán trong năm 2011 có thể lên đến 300 000 vụ.

Theo các quan sát viên kinh tế tài chính có thẩm quyền, Trung Quốc có nhiều khả năng rơi vào bẫy các quốc gia có thu nhập trung bình. Có thoát được hay không tùy thuộc vào quyết tâm của giới cầm quyền : có dám mạnh dạn cải cách hệ thống, chính trị hiện hành hay không (như bầu cử tự do, dân chủ hóa xã hội), hạn chế hố cách biệt giàu nghèo và bãi trừ tham nhũng. Những vấn nạn này đã bị tạm gác trong 30 năm qua và không thể tiếp tục kéo dài mãi. Đối với chính quyền hiện nay và ban lãnh đạo sắp tới, thời gian chọn lựa không còn nhiều. Phải lấy những quyết định gấp, nếu không xã hội Trung Quốc sẽ rơi vào bạo loạn và Trung Quốc không còn là một quốc gia thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ như hiện nay.

Trung Quốc đang như một con khủng long khổng lồ chỉ mạnh mẽ khi đi đường thẳng nhưng sẽ rất khó khăn tránh chướng ngại trước mắt để chuyển hướng, vì đầu không điều khiển được đuôi và chân tay. Việt Nam trong quá khứ chậm hơn Trung Quốc một bước, nhưng xã hội Việt Nam vẫn còn được sự nhu nhuyến nhờ kinh nghiệm phát triển các miền Nam trước ngày thống nhất. Thêm vào đó, cách làm và kinh nghiệm của Singapore đã giúp Việt Nam ra khỏi khó khăn và tiến lên.

Việt Nam ngày nay đang ngồi vào phòng chờ của câu lạc bộ các nước phát triển trung bình. Lợi tức bình quân đầu người của Việt Nam chỉ có thể tăng chứ không thể giảm, từ 2000 đến 6000 USD/GDP đầu người, nếu biết vận dụng kinh nghiệm đa dạng về sáng kiến của dân chúng miền Nam và cộng đồng người Việt trên khắp thế giới. Trái bóng đang ở phía những cấp lãnh đạo đảng cộng sản đương thời, dám hay không dám tùy thuộc tầm nhìn và ban lãnh đạo đảng cộng sản. Việt Nam có câu : không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời.



Ảo quan

Ông Harold Camping đã tiên đoán năm 2011 sẽ xảy ra tận thế. Ông còn đi xa hơn nữa và nói rõ vào ngày 21-5-2011, Thượng Đế sẽ tiêu hủy hoàn toàn địa cầu và vũ trụ. Trước đây ông cũng tiên đoán ngày phán xét cuối cùng là ngày 21-5-1988 và ngày 7-9-1994.

Harold Camping không phải là giáo chủ đầu tiên tiên đoán ngày tận thế. Nhưng thế giới vẫn còn may là ông Camping và đài phát thanh *Family Radio International* của ông chưa đạt đến mức độ cuồng tín như Marshall Applewhite, một giáo chủ đã thuyết phục các tín đồ Heaven's Gate (Cửa Thiên Đàng) tự sát để linh hồn bay lên một phi thuyền nấp đằng sau đuôi sao chổi Hale-Bopp năm 1997.

Cả triệu người dè dặt tâm tính nhẹ dạ của các thành viên theo giáo thuyết Camping, nhưng con người dễ sinh lòng tôn thờ các chuyên viên thuyết pháp có hấp lực, và điều này đã gần như trở thành quy tắc ứng xử của con người. Con người đã sẵn mang bản năng dễ chấp nhận những sự kiện siêu nhiên, đôi khi núp bóng dưới lớp áo tôn giáo.

Nhà văn chuyên viết về khoa học Michael Brooks nhận xét: "Con người dễ dàng chấp nhận tôn giáo và dùng tôn giáo để giải thích những sự kiện trên thế giới. Trí óc của con người đã được định khuôn sẵn như vậy" (*Natural born believers*, New Scientist, Feb. 7, 2009).

Ông Brooks cho rằng: "Khả năng kiến tạo thần thánh không phải là yếu tố cần và đủ để cho tôn giáo nảy mầm. Chính cảm quan phát triển thái quá trong lối suy luận nguyên do và hậu quả đã khiến cho chúng ta nhìn thấy ở khắp mọi nơi sự hiện diện của một mục đích tối thượng và một sự an bài nào đó, ngay cả khi nó chẳng có một mối tương quan nào hết".

Brooks đề cập đến công trình của ba nhà nghiên cứu Jennifer Whitson, Austin và Adam Galinsky (Northwestern University) đăng trên tạp chí *Science* (vol 322, p. 1115): "Những cá nhân nhận thấy mình không làm chủ được tình hình thường thấy những mẫu hình xuất hiện trong khi những mẫu hình này không hiện hữu... Khi chúng ta không làm chủ được tình hình, chúng ta thường lui trở về phương pháp suy luận mê tín dị đoan. Điều này giải thích tại sao tôn giáo được quần chúng ái mộ trở lại vào những lúc khó khăn".

Nhà tâm lý David Pizarro nói đến hiện tượng "apophenia", một khuynh hướng của trí óc đi tìm kiếm những mối tương quan đặt căn bản trên dị đoan - chẳng hạn như một lực sĩ luôn đi lại đối vớ mà mình đã dùng khi thắng cuộc thi đấu. (*Everyday apophenia*, Edge world question 2011, www.edge.org). Một ví dụ nổi tiếng khác là cựu vô địch quần vợt John Mc Enroe và André Agassi luôn tránh bước ngang qua lần vạch trắng vẽ trên sân quần vợt.

Ông Pizzaro ghi nhận: "Ốc của con người là bộ máy nắm bắt và khai phá khuôn mẫu thật phi thường. Chúng ta có khả năng tìm thấy những mối tương quan tiềm ẩn giữa các đồ vật, các sự kiện và con người. Thiều sót khả năng này, vô số những dữ kiện đổ dồn vào đầu óc chúng ta chấn chắc sẽ thành một mớ sự kiện hỗn độn, không đầu không đuôi. Nhưng cũng chính vì khả năng sắp đặt khuôn mẫu tài tình này nên khi gặp trục trặc nó hướng suy nghĩ con người sang một khuôn mẫu lệch lạc không có thực, xa rời hoàn toàn thực tế".

Nhà nghiên cứu thần kinh học Đức Klaus Conrad đã phát minh ra danh từ "Apophenia" (xin tạm dịch là Ảo Quan) để mô tả khuynh hướng của bệnh nhân mắc phải thứ bệnh tâm thần này. Nhưng nhờ vào những tiến bộ của khoa nghiên cứu phong cách ứng xử của con người,

người ta khám phá ra khuynh hướng này không chỉ giới hạn nơi các bệnh nhân hoặc những người kém thông minh. Những người có đầu óc thông minh và thân thể khỏe mạnh cũng có thể phạm những sai lầm tương tự trong sinh hoạt thường nhật. Thí dụ như một anh lực sĩ dị đoan thấy có mối tương quan giữa những lần thắng trận của anh với một đôi vợ, một bà mẹ từ chối không chủng ngừa cho đứa con vì bà nghĩ con mình sẽ mang bệnh nếu phải chích ngừa, và một khoa học gia nhìn thấy kết quả xác nhận giả thuyết qua những dữ kiện ngẫu nhiên và cả ngàn người tin rằng chức năng lựa chọn ngẫu nhiên của một thảo chương (program) bị hỏng bởi vì họ làm lẫn sự trùng hợp giả với mối liên hệ có ý nghĩa.

Nói tóm lại, khả năng nhận diện và phân biệt thể loại đã giúp cho nhân loại thành công cũng có thể đánh lừa chúng ta một cách dễ dàng. Khuynh hướng tìm kiếm khuôn mẫu là một phó sản của cơ cấu não bộ trong phương cách tìm tòi khuôn mẫu. Nhưng khả năng nhận biết và dè phòng khuynh hướng đặc biệt nguy hiểm này có thể giúp cho chúng ta nêu ý niệm "Apophenia thường nhật" trở thành một ý niệm mà mọi người nhận biết dễ dàng.

Cũng trong tập san *Edge*, Gary Marcus, giáo sư tâm lý và ngôn ngữ Đại Học New York cho biết có những kết quả sai lạc bởi vì trí óc con người rất nhạy cảm với môi trường mình đang sống; trí óc ghi nhớ rõ hơn khi sống trong một môi trường quen thuộc chẳng hạn như tên của một người bạn cùng lớp trong khuôn viên đại học (*Cognitive humility*, Edge world question 2011). Có lẽ hậu quả hiển hiện nhất là con người có khuynh hướng hầu như bất biến là ghi nhớ rất rõ những sự kiện phù hợp với thâm tín của mình hơn là sự kiện hiển nhiên có thể phá đổ thành kiến của mình. Khi hai người bất đồng ý kiến, thường là vì thành kiến đã khiến họ nhớ trở lại (hoặc chỉ nhìn thấy) những khác biệt.

Ông Marcus nhận xét: "Những xác tín sai lầm thường hay xảy ra vì con người có khuynh hướng không nhìn thấy giải pháp khác cho những thâm tín của mình".

Phôi hợp triết lý với tâm lý, ông Hugo Mercier (University of Pennsylvania) và Dan Sperber (Central European University) đưa ra một "luận thuyết" (argumentative theory) giải thích tại sao con người "bóp méo những nhận định, những thái độ và cứ để cho những thành kiến sai lầm tồn tại" (*Why do humans reason? Arguments for an Argumentative Theory*, Behavioral and Brain Sciences, vol. 34, June 26, 2010). Hai ông Mercier và Sperber nói rằng: "Con người có khuynh hướng bảo lưu ý kiến của mình nên không tìm hiểu những luận điểm người đối thoại và thu thập hiểu biết, họ ngay từ lúc đầu xem đây là những luận cứ cần phải phản bác".

Triết gia Eric Hoffer ghi nhận: "Khi những tổ chức quần chúng lớn mạnh, họ thường tạo dựng một bức màn ngăn chặn không cho thành viên hoặc tín đồ của mình thấy thực tế của thế giới bên ngoài. Họ khẳng định chân lý tối thượng và tuyệt đối nằm trong chủ thuyết của họ và ngoài chủ thuyết của họ không có chân lý hoặc xác tín nào khác" (*The True Believer*, 1951, Harper & Brothers).

Những người tự nhận mình đã nắm giữ chân lý tuyệt đối thường có những hành động mù quáng và họ hành xử chẳng khác bao nhiêu với nhóm của ông Marshall Applewhite và al-Qaida.

Bước sang thế kỷ thứ 21, chúng ta vẫn còn thấy một nhóm người ở Việt Nam nhất quyết tiến lên Xã Hội Chủ Nghĩa, không cần đa nguyên, đa đảng, xem con đường tiến lên chủ nghĩa cộng sản là một chân lý tất yếu nhân loại phải đi đến. Mong sao người Việt còn đủ sáng suốt để ngăn chặn nhóm người mắc bệnh "ảo quan" này kéo cả nước Việt Nam bay theo phi thuyền của ông Applewhite.

Nguyễn Gia Thường (Bruxelles)





Dùng Trung Quốc để hù dọa dân chúng Việt Nam ?

Gần đây, đọc một số tờ báo mạng chính thống trong nước, phần Thế giới, tôi thấy có một đặc điểm nổi bật : khá nhiều tin tức liên quan đến Trung Quốc.

Ví dụ trên tờ *Vnexpress*, ngày 29/8, có tin về chuyến bay thử lần thứ 27 của phi cơ tiêm kích tàng hình J-20 ; ngày 30/8, lại có thêm tin tức và hình ảnh về loại phi cơ mới này ; rồi ngày 31/8, lại có bản tin về các loại phi cơ tối tân khác, như máy bay chiến đấu FC-1 Kiêu Long và J-10A ; và mới nhất, ngày 1/9, lại có bản tin về lời tuyên bố của phát ngôn viên Bộ Quốc Phòng Trung Quốc Dương Vũ Quân cho hay là tàu sân bay đầu tiên của họ đã "đạt được mục tiêu đề ra".

Các bản tin tương tự cũng được đăng tải trên tờ báo mạng *Dân Trí*. Thứ Hai, 29/8 : "Báo chí Trung Quốc tiếp tục đăng tải những hình ảnh mới về chiếc chiến đấu cơ tàng hình J-20 trong quá trình bay thử nghiệm". Thứ Tư, 31/8 : "Trung Quốc liên tục thử nghiệm 3 máy bay chiến đấu mới", gồm J-20, J-10A và FC-1 Xiaolong. Cùng ngày, lại có thêm bản tin khác : "Trung Quốc thử nghiệm thành công tàu sân bay đầu tiên". Cũng cùng ngày : "Không quân Trung Quốc sẽ cho ra mắt hai đội máy bay biểu diễn trong tuần này - quan chức lực lượng này tuyên bố, trong khi dư luận cho đây là một phần trong chiến lược của Bắc Kinh để thế giới "làm quen dần" với một cường quốc quân sự đang lên." Lại cũng cùng ngày : "Hải quân Trung Quốc hôm qua đã trình làng thế hệ tàu cao tốc mới có khả năng tàng hình và được trang bị tên lửa". Thứ Năm, 01/09 : "Ba đội bay biểu diễn của không quân Trung Quốc hôm nay đã có những màn trình diễn ấn tượng trên bầu trời thành phố Trường Xuân, tỉnh Cát Lâm, đông bắc Trung Quốc".

Xin lưu ý : tất cả các bản tin trên đều được in kèm với rất nhiều hình ảnh về các loại máy bay và tàu sân bay tối tân của Trung Quốc.

Chúng ta không thể không tự hỏi : Tại sao báo chí Việt Nam lại đăng tải dồn dập các bản tin liên quan đến sự phát triển và sức mạnh về quân sự của Trung Quốc như vậy ? Có hậu ý gì đằng sau các bản tin ấy hay không ?

Thật ra, ở các nước Tây phương, trên báo chí, người ta cũng thấy những bản tin tương tự. Tuy nhiên, thứ nhất, số lượng ít hơn hẳn ; thứ hai, mục tiêu của chúng rất rõ : đưa ra một lời cảnh báo về sức mạnh quân sự, và sau đó, những tham vọng bá quyền của Trung Quốc. Hầu như, trên khắp thế giới, ai cũng thấy ba điều :

- một là, Trung Quốc đầu tư rất nhiều tiền bạc cho quốc phòng, trong đó, ưu tiên nhất là phát triển các loại kỹ thuật quân sự mới ;
- hai là, tất cả các việc đầu tư ấy đều vượt ra ngoài nhu cầu "phòng vệ" thông thường, ngược lại, chúng nhằm mục đích tấn công và bành trướng ; và



- ba là , giới hạn của các cuộc tấn công và bành trướng ấy vẫn còn nằm trong phạm vi khu vực Á châu. Người ta biết là Trung Quốc muôn cạnh tranh với Mỹ. Nhưng chưa ai lo lắng là Trung Quốc sẽ tấn công Mỹ hay các đồng minh của Mỹ ; thậm chí, cạnh tranh với Mỹ ở phạm vi thế giới. Chuyện đó, nếu xảy ra, có lẽ còn lâu lắm, ít nhất vài ba thập niên nữa. Người ta hầu như tin chắc chắn là với sự tập trung ưu tiên vào các loại máy bay mới, tàu ngầm và tàu sân bay như hiện nay, Trung Quốc chỉ nhắm vào châu Á ; và ở châu Á, mục tiêu đầu tiên là Nam Hải, tức Biển Đông theo cách gọi của người Việt Nam.

Như vậy, ngoài Đài Loan, một trong vài nước chịu sức ép nặng nhất trong chiến lược thông lĩnh vùng biển của Trung Quốc chính là Việt Nam.

Thế nhưng, điều rất lạ là trên báo chí chính thống trong nước, rất hiếm khi người ta thấy những sự phân tích về hiểm họa ấy.

Tại sao ?

Nhà cầm quyền Việt Nam giải thích : để giữ hòa khí giữa hai nước. Trong tất cả các cuộc họp của giới quân sự cao cấp giữa hai nước, người ta đều "nhất trí" về điều đó : không kích động thù hận trong nhân dân. Dĩ nhiên, việc thực hiện những lời cam kết ấy rất thiên lệch : trong khi ở Trung Quốc, người ta tha hồ chửi bới Việt Nam thì ở Việt Nam, ngược lại, nhà cầm quyền và các cơ quan truyền thông chính thống đều rất hòa hoãn, tuyệt đối né tránh những gì có thể làm Trung Quốc phật ý, kể cả các cuộc biểu tình chống Trung Quốc được gọi là "tự phát" của dân chúng.

Thái độ nhịn nhục có phần quá đáng ấy, dù sao cũng có thể giải thích được. Ngày xưa, cha ông chúng ta cũng đã từng nhiều lần làm như vậy. Cũng nhịn, thậm chí, chịu nhục trước và ngay cả sau khi đã đánh Tàu tan tành.

Có thể hiểu được sự nhịn nhục của Việt Nam trước những uy hiếp của Trung Quốc. Nhưng phải giải thích sao đây sự kiện Việt Nam quá nhiệt tình trong việc ca tụng sức mạnh quân sự của Trung Quốc ? Nịnh ư ? Nhưng tại sao không nịnh ở các lãnh vực khác ? Về kinh tế ? Về xã hội ? Về văn hóa ? Tại sao lại phải nịnh trong lãnh vực quân sự ?

Tại sao ?

Tôi nghĩ chỉ có một lời giải thích : Dùng sức mạnh quân sự của Trung Quốc để hù dọa dân chúng Việt Nam. Đại khái kiểu : Trung Quốc bây giờ giỏi lắm ; vũ khí của họ tối tân lắm ; sức mạnh của họ khủng khiếp lắm : đừng gây sự với họ !

Sực nhớ lời mắng của viên trung úy công an Nguyễn Mạnh Tường khi lao vào đánh Vũ Quốc Ngữ về "tội" dám đi biểu tình chống Trung Quốc mà tôi đã trích trong bài "Sao lại thù hận những người yêu nước như vậy ?" :

"Nó tát liên tiếp lên hai mang tai và nói "Chúng mày biểu tình gây rối, kích động Trung quốc đánh Việt Nam, làm hại đến gia đình tao, vợ con tao", nói rồi nó lại đấm, lại tát".

Thoạt đầu, đọc lời mắng chửi ấy, tôi chỉ nghĩ đó là câu nói ngu xuẩn của một tên công an hèn hạ. Nhưng bây giờ, đọc một

loạt các bài báo quảng cáo giùm sức mạnh quân sự của Trung Quốc trên báo chí chính thống trong nước, tôi lại nghĩ khác : Không chừng đó là cách suy nghĩ chung của giới lãnh đạo Việt Nam hiện nay.

Cầu cho tôi nghĩ sai.

Ngụy biện và dối trá

Trên báo *An Ninh Thủ Đô* ở Hà Nội trong một vài tuần vừa qua có một loạt bài buộc tội những người biểu tình chống Trung Quốc rất độc ác nhưng lại rất buồn cười. Độc ác ở sự vu khống, bôi nhọ và đe dọa. Nhưng lại buồn cười ở sự ngô nghê trong cách lập luận. Những sự ngô nghê như vậy nhiều vô cùng, đây đây trên từng ý và từng chi tiết. Tôi chỉ trích một đoạn buồn cười nhất :

"Tất cả các nước trên thế giới, kể cả các nước mà những chủ trang mạng xấu đang tôn thờ như hình mẫu, như thiên đường, cũng có quy định như vậy [tức phải xin phép, ghi chú của NHQ]. Ở Mỹ, ở Pháp, ở Anh... muốn tổ chức biểu tình, tuần hành đều phải xin phép và được chấp thuận. Các cuộc tụ họp đông người không xin phép được coi là bạo loạn và cảnh sát thẳng tay đàn áp ngay. Bạo loạn tại Pháp, tại Anh trong thời gian gần đây cho thấy rõ điều đó. Lại nhất các trang mạng xấu đưa tin mọi thứ, riêng sự kiện cảnh sát đàn áp đến đổ máu những kẻ biểu tình tự phát tại Anh, Pháp thì không thấy đưa !".

Đoạn văn trên có ba ý chính :

1. Ở đâu dân chúng muốn biểu tình cũng đều phải xin phép và cần được chính quyền chấp nhận trước.
2. Ở Tây phương, nếu biểu tình mà không xin phép thì bị xem là bạo loạn và bị cảnh sát đàn áp ngay.
3. Các "trang mạng xấu" chỉ đưa tin cảnh sát bắt bớ hay đập vào mặt người biểu tình tại Việt Nam mà lại làm lơ trước cảnh cảnh sát Anh và Pháp đàn áp những người bạo loạn ở nước họ

Về ý thứ nhất, chuyện xin phép biểu tình ở các nước Tây phương, cần phân biệt hai hình thức chính của biểu tình : tụ tập (rally) và tuần hành (march). Ở phần lớn các nước, biểu tình dưới hình thức tụ tập thì khỏi cần xin phép. Phép, chỉ được đòi hỏi đối với hình thức biểu tình tuần hành mà thôi. Mà thật ra không phải là "xin phép". Trong các tài liệu bằng tiếng Anh, người ta thường chỉ dùng chữ "thông báo" (notify). Yêu cầu của cảnh sát cũng như chính quyền địa phương là "cho chúng tôi biết" (let us know) để họ bảo đảm vấn đề trật tự giao thông, sự ổn định trong sinh hoạt của dân địa phương và sự an toàn cho chính những người đi biểu tình. Hết.



Còn ở Việt Nam thì sao ? Giả dụ những người đi biểu tình nộp đơn xin phép đăng hoàng thì liệu họ có chấp thuận hay không ? Cho đến nay, câu trả lời gần như chắc chắn : Không. Tuy

nhien, tôi cũng xin đề nghị quý vị ở Việt Nam thử nộp đơn công khai xin phép tổ chức biểu tình xem chính quyền trả lời ra sao. Thử. Để ít nhất chính quyền không còn léo nhéo chuyện phép tắc nữa.



Về ý thứ hai, ở Tây phương, không ai xem việc biểu tình không được phép là bạo loạn cả. Biểu tình (public demonstration) và bạo loạn (riot) khác hẳn nhau về bản chất chứ không phải là chuyện được phép hay không. Ngay trong bản thân từ bạo loạn đã bao hàm hai ý chính : bạo (động) và (hỗn) loạn có thể gây nên những thiệt hại về tính mạng cũng như tài sản của dân chúng, kể cả của những người biểu tình.

Ở Anh và ở Pháp gần đây, cảnh sát không hề trấn áp những người biểu tình. Họ chỉ trấn áp những người gây bạo loạn. Ví dụ, những cảnh diễn ra trên đường phố London vào đầu tháng 8 vừa qua hoàn toàn là bạo loạn chứ không phải là biểu tình. Hậu quả của các cuộc bạo loạn ấy là năm người bị giết chết và vô số xe hơi cũng như các cửa tiệm bị đốt phá, cướp bóc, gây thiệt hại về kinh tế đến trên 300 triệu đô la. Các cuộc bạo loạn ở Pháp vào năm 2005 và 2007 cũng vậy. Cũng có màn đốt xe hơi. Đốt cửa tiệm. Đốt cả trường học lẫn thư viện. Ném đá và ném cả bom xăng tự chế vào cảnh sát. Một số người bị chết. Hàng trăm cửa tiệm bị phá. Hàng ngàn chiếc xe hơi bị hư hại. Trong cả mấy trường hợp vừa kể, trên thế giới, không ai lên án việc mạnh tay của cảnh sát cả. Đó là nhiệm vụ của họ.

Còn ở Việt Nam, trong mười mấy cuộc biểu tình vừa qua, có chút yếu tố nào để có thể xem là bạo loạn chứ không phải là biểu tình ? Không. Tuyệt đối không. Tất cả đều diễn ra một cách hòa bình và trật tự. Xem các bức ảnh cũng như các thước phim được tung lên internet, mọi người đều ghi nhận một đặc điểm : ngay cả việc dẫm lên các bãi cỏ, điều rất phổ biến ở Hà Nội, cũng không thấy.

Việc cảnh sát bắt bớ những kẻ gây bạo loạn, đốt xe, đốt nhà và cướp của ở Anh và ở Pháp là chuyện bình thường. Báo chí khắp nơi, nếu loan tin, ông kính chỉ chia vào những tên tội phạm ấy mà thôi. Còn ở Việt Nam ? Trong một cuộc biểu tình xuất phát từ lòng yêu nước của những con người hiền lành, biết thân biết phận như thế thì có gì đáng chú ý ngoài những cú đập tàn nhẫn của công an chứ ?

Ở Úc, tôi thường xem tin tức trên tivi vào giờ ăn tối. Thường, rất hiếm khi tôi thấy tin về Việt Nam. Phần lớn các cuộc biểu tình chống Trung Quốc đều trôi qua một cách lặng lẽ. Có thể đài truyền thanh hoặc báo in loan tin. Nhưng đài truyền hình thì không. Trừ hai lần: Lần đầu, vào ngày 5 tháng 6 ở Sài Gòn, và lần sau, ngày 21 tháng 8 ở Hà Nội. Ở cả hai lần, hình ảnh được các phóng viên ngoại quốc tập trung nhất đều giống nhau : cảnh sát và công an bắt dân.

Những chuyện ấy nhằm trả lời cho vấn đề thứ ba đã nêu ở trên.

Nguyễn Hưng Quốc (Australia)
© VOA nguyenhungquoc blogs

Diệt chủng

Một chủng loại đang đứng trước nguy cơ tuyệt diệt : giống độc tài bạo chúa. Chỉ trong có mấy tháng Gbagbo, Ben Ali, Mubarak, bây giờ Gaddafi, sắp tới Al-Assad, Saleh. Cứ đà này thì chẳng bao lâu nữa giống độc tài bạo chúa sẽ biến mất trên mặt đất này.



Các tâm hồn quảng đại nhân bản và các chiến sĩ dân chủ có thể sẽ phản ứng một cách bình thản : "Càng hay ! Cái giống dơ bẩn đó quét sạch đi sớm chừng nào hay chừng ấy, độc tài độc hại cả hai mặt vẫn". Họ lầm to.

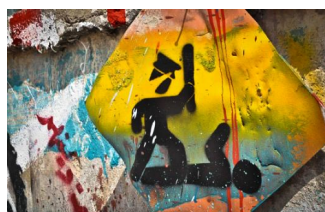
Trái với cách suy nghĩ nông cạn của họ, chúng ta cũng cần cái xấu và cái ác. Có ác thì mới có thiện, cái ác làm nổi cái thiện cũng như cái xấu làm nổi cái đẹp. Thử tưởng tượng một thế giới không còn tội ác và cái xấu ! Lúc đó tất cả đều như nhau, buồn chết ; làm gì còn có ai cao thượng ? Các chiến sĩ nhân quyền cũng mất lý tưởng.

Nhưng còn một lý do khác, thế giới phải đa dạng, muôn màu muôn vẻ mới vui, và các bạo chúa cũng ngộ nghĩnh lắm chứ không tẻ nhạt như người ta tưởng. Ai trong chúng ta chẳng biết rằng có một tổ chức quốc tế rất được ủng hộ mà mục tiêu chỉ là để bảo vệ giống cạp ? Mà cạp có ích lợi gì đâu, nó hung dữ và lại rất tốn kém vì mỗi ngày phải ngốn một lượng thịt tương đương với vài chục con vịt quay. Lý do chỉ là để bảo vệ một giống vật đặc biệt khỏi bị diệt chủng, vì nó khá đẹp. Như vậy thì cũng có lý do để duy trì chủng loại độc tài, nó cũng ngộ nghĩnh lắm.

Thí dụ : Idi Amin Dada tự xưng và bắt người dân Uganda gọi mình là (nguyên văn) "*Thông chế tổng thống suốt đời, tiền sĩ Idi Amin Dada, chúa tể các loài động vật trên mặt nước, các loài cá dưới biển, người chinh phục đế quốc Anh tại Châu Phi nói chung và tại Uganda nói riêng, vua chính đáng của Scotland*". Ai không nhìn nhận là độc đáo ?

Bokassa, một cựu trung sĩ quân đội Pháp tại Việt Nam sau lên cầm quyền tại Trung Phi, vẫn thấy là làm tổng thống chưa ngon, bèn tự xưng là "*Hoàng đế Bokassa Đệ Nhất, hoàng đế Trung Phi theo ước vọng của dân tộc Trung Phi đoàn kết trong một đảng chính trị duy nhất, Phong Trào Tiên Hóa Xã Hội Châu Phi Da Đen*". Bỏ qua cách hành văn có vẻ hơi lộn xộn của tước hiệu này, những tiếng "dân tộc", "đảng duy nhất" khiến người Việt Nam thấy ngỡ ngàng như quen biết Bokassa. Thực ra Bokassa rất gần với Việt Nam, hồi đi lính Pháp tại Việt Nam anh chàng có để lại một đứa con gái.

Gần gũi với Việt Nam hơn nữa (về mặt địa lý) là nhà độc tài Ne Win của Miến Điện, ông tương tự cho phát hành những tờ giắc bạc 15, 35, 45, 75, 90 đồng *kyat* vì thấy bói nói đây là những con số hên cho ông ta. Mobutu, cựu tổng thống suốt đời của Zaire cầm các đài truyền thanh và truyền hình nêu tên bất cứ ai, trừ tên ông ta. Niyazov, cai trị Turkmenistan với bàn tay sắt cho tới khi chết năm 2006, cấm phụ nữ trang điểm vì lý do "họ vốn đã đẹp rồi". Đúng là quý trọng



phụ nữ một cách đặc biệt. Saddam Hussein móc súng bắn chết một bộ trưởng ngay giữa một phiên họp, sáng tạo một phương pháp đối thoại hoàn toàn mới. Kim Nhật Thành giản dị, chỉ lấy danh hiệu

MỤC LỤC

1. Libya khẳng định làn sóng dân chủ mới	Thông Luận
2. Một trang sử mới đã mở ra	Nguyễn Gia Kiểng
4. Trung Quốc : đe dọa nào cho Việt Nam ?	Nguyễn Văn Huy
7. Phản động hay nô lệ tinh thần ?	Việt Hoàng
9. ASEAN : hành động chung về Biển Đông	Nguyễn Minh
11. Trung Quốc có rơi vào bẫy các quốc gia có thu nhập trung bình ?	Trần Kha
13. Áo quan	Nguyễn Gia Thường
14. Dùng Trung Quốc hù dọa dân chúng Việt Nam	Nguyễn Hưng Quốc
16. Diệt chủng	Đáy

"lãnh tụ vĩ đại đời đời kính yêu", danh xưng này cũng hơi giống một khẩu hiệu quen thuộc với người Việt Nam. Khiêm tốn hơn cha, Kim Chính Nhật chỉ xưng là "*lãnh tụ mến yêu*", không "kính", không "vĩ đại", cũng chẳng "đời đời", có thể vì nhìn xa trông rộng, đoán trước những gì sẽ tới. Còn Gaddafi ? Ông ta hình như có tất cả mọi cái độc đáo của các nhà độc tài, thêm vào đó là một sáng kiến mới : dùng phụ nữ trẻ đẹp làm cận vệ.



Các bạo chúa có chung một đặc tính là thích huy chương. Chúng tự gắn cho mình những huân chương cao nhất đủ loại. Trên ngực chúng huân chương phủ kín, xuống cả bụng. Có lẽ vì phải mang nặng cả chục ký huân chương mà các nhà độc tài mệt mỏi không biết cả mình là ai. Duvalier, tức Papa Doc, của xứ Haiti thú nhận : "*Nếu ai hỏi tôi mẹ ông là ai tôi có thể trả lời đó là Đức Mẹ Maria Đồng Trinh, nhưng nếu người ta hỏi cha tôi là ai tôi chỉ có thể nói đó là Đức Chúa Cha*". Quả thực là thế giới này sẽ rất buồn tẻ nếu không còn những gã độc tài.

Bọn chúng tôi họp nhau định thành lập một "Hội Bảo Vệ Các Độc Tài Bạo Chúa". Không phải chúng tôi không biết là chúng độc hại. Mục đích của chúng tôi chỉ là bảo vệ môi trường, giữ cho trái đất được đa dạng và phong phú, trong cùng một tinh thần với những người lập hội bảo vệ các thú dữ và các loài rắn độc đang trên đà diệt chủng. Tưởng là giản dị mà cũng phức tạp, rồi bẽ tắc. Số là khi đã sắp đặt tới đồng thuận thì một anh bạn lại có ý kiến khác. Theo anh thì nước ta nghèo và chậm tiến, nên nhường những nghĩa vụ quốc tế cao cả cho các dân tộc giàu mạnh, chúng ta hãy tập trung lo giải quyết những nhu cầu của Việt Nam. Anh đề nghị chúng ta nên khiêm tốn, chỉ lập một hội bảo vệ Nguyễn Tấn Dũng. Ý kiến sắp được chấp nhận thì lại bị phản bác. Một anh bạn khác nói rằng các tên độc tài bạo chúa cần được bảo vệ đâu phải chỉ vì chúng hung bạo, mà vì chúng còn là một chủng loại vĩ cuồng và quái đản, nhưng Nguyễn Tấn Dũng có vĩ cuồng quái đản gì đâu. Tuy cũng hung bạo nhưng ông ta chỉ ham tiền.